

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG BÀI GIẢNG E- LEARNING HỌC
PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY
HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

MÃ SỐ: 13.01.24.I.08

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài: Lê Thị Thùy Dung

Hà Nội – 2024

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

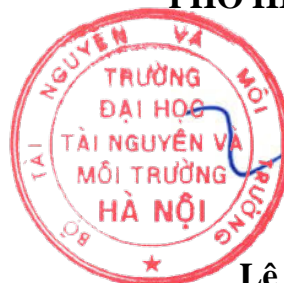
**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG BÀI GIẢNG E- LEARNING HỌC
PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY
HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

MÃ SỐ: 13.01.24.I.08

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Lê Thị Thùy Dung

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Thị Trinh

Hà Nội- 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

Tên đề tài: *Nghiên cứu xây dựng bài giảng E - learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*

- Mã số: **13.01.24.I.08**

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Lê Thị Thùy Dung

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu: Trên cơ sở lý luận dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến cùng thực tiễn giảng dạy, đề tài xây dựng được một bài giảng E - learning trong học phần Triết học Mác Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Tính mới và sáng tạo:

+ Góp phần bổ sung cơ sở khoa học của việc xây dựng bài giảng E - learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

+ Xây dựng bài giảng E - learning học phần Triết học Mác -Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

+ Thực nghiệm sư phạm bài giảng E - learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

4. Kết quả nghiên cứu: Xây dựng và thực nghiệm một bài giảng E - learning trong học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

5. Sản phẩm: Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả của đề tài + 1bài báo “*Study on developing e-learning lessons for the Marxist-leninist philosophy course using Blended - learning methods at hanoi university of natural resources and environment*” đăng trên tạp chí © IJARW | ISSN (O) - 2582-1008, July 2024 | Vol. 6 Issue. 1

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Chuyển giao toàn bộ cho Khoa Lý luận chính trị, Trung tâm Thư viện và công nghệ thông tin - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Báo cáo đề tài phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy học phần triết học Mác Lênin tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; nghiên cứu này cũng dùng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên giảng dạy triết học trong Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: *Research on building e-learning lectures for the Marxist-Leninist Philosophy module using a combined face-to-face and online teaching method at Hanoi University of Natural Resources and Environment*

Code number: *13.01.24.1.08*

Coordinator: Dr. Le Thi Thuy Dung

Implementing institution: Hanoi University of Natural Resources and Environment

Duration: from 1/2024 to 11/2024

2. Objective(s): Based on the theory of combined direct and online teaching and teaching practice, the project has built an e-learning lecture for the Marxist-Leninist Philosophy module in a combined direct and online teaching method at Hanoi University of Natural Resources and Environment

3. Creativeness and innovativeness:

+ Contributing to supplementing the scientific basis of building e-learning lectures for the Marxist-Leninist Philosophy module in a combined face-to-face and online teaching method at Hanoi University of Natural Resources and Environment

+ Building e-learning lectures for the Marxist-Leninist Philosophy module using a combined face-to-face and online teaching method at Hanoi University of Natural Resources and Environment

+ Pedagogical experience in e-learning lectures for the Marxist-Leninist Philosophy module using a combined face-to-face and online teaching method at Hanoi University of Natural Resources and Environment

4. Research results: Building and experimenting with e-learning lectures for the Marxist-Leninist Philosophy module using a combined face-to-face and online teaching method at Hanoi University of Natural Resources and Environment

5. Products:

A final report, a summary report and an article “*Study on developing e-learning lessons for the Marxist-leninist philosophy course using Blended - learning methods at hanoi university of natural resources and environment*” issued on © IJARW | ISSN (O) - 2582-1008, July 2024 | Vol. 6 Issue. 1

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

- Completely transferred to the Department of Political Theory, Center for Library and Information Technology - Hanoi University of Natural Resources and Environment

- This report serves the teaching of the Marxist-Leninist philosophy module at Hanoi University of Natural Resources and Environment; contributing to improving the training quality of Hanoi University of Natural Resources and Environment; This research is also used as a reference for lecturers teaching philosophy at Hanoi University of Natural Resources and Environment.

MỤC LỤC

Contents

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	ii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	3
<i>1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....</i>	<i>3</i>
<i>1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước</i>	<i>6</i>
<i>1.3. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước</i>	<i>7</i>
CHƯƠNG 2: PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	9
<i>2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài</i>	<i>9</i>
<i>2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....</i>	<i>9</i>
<i>2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng</i>	<i>9</i>
CHƯƠNG 3: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC XÂY DỰNG BÀI GIẢNG E-LEARNING HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI.....	12
<i>3.1. Cơ sở lý luận của việc xây dựng bài giảng E- learning</i>	<i>12</i>
<i>3.2. Cơ sở thực tiễn của việc xây dựng bài giảng E- learning học phần triết học Mác – Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.....</i>	<i>23</i>
CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG BÀI GIẢNG E - LEARNING HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI.....	33
<i>4.1. Quy trình xây dựng bài giảng E – learning theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến</i>	<i>33</i>
<i>4.2. Thiết kế bài giảng E - learning học phần Triết học Mác Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.....</i>	<i>39</i>
CHƯƠNG 5: THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM BÀI GIẢNG E - LEARNING HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP	

TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	60
<i>5.1 Mục đích, nội dung và phương pháp thực nghiệm</i>	60
<i>5.2 Kết quả thực nghiệm</i>	61
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	66
<i>Kết luận</i>	66
<i>Kiến nghị</i>	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	68
PHỤ LỤC	71

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Hình 3.1. Phương thức sự phát triển của dạy học kết hợp theo quan điểm của Bonk & Graham.....	15
Hình 3.2. Phương thức dạy học kết hợp theo quan điểm của Nguyễn Hồng Lĩnh	16
Hình 3.3. Phương thức dạy học kết hợp.....	17
Bảng 5.1: Tỷ lệ câu trả lời đúng trong các bài kiểm tra.....	64

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đặc biệt là giáo dục đại học đang ngày càng được đẩy mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới. Phương thức dạy học kết hợp (Blended Learning) là sự kết hợp giữa hình thức dạy học trực tiếp và trực tuyến. Với việc tận dụng được ưu điểm của cả hình thức dạy học truyền thống và dạy học trực tuyến. Phương thức dạy học kết hợp cho thấy mang lại hiệu quả tốt, ít tốn kém hơn, thuận tiện hơn về cả không gian và thời gian, phát huy được các lợi thế của lớp trẻ khi tham gia học, phương thức này còn giúp người dạy có thể linh động và đa dạng hơn các phương pháp giảng dạy để thu hút người học. Dạy học kết hợp không phủ nhận hình thức dạy học truyền thống mà giúp làm tăng sự chủ động và cơ hội được học tập của người học. Phương thức dạy học kết hợp (Blended Learning) là một phương thức giáo dục tương đối mới trên thế giới, xuất hiện chỉ trong khoảng 15 năm trở lại đây. Trong những năm gần đây, các trường đại học ở Việt Nam đã và đang thúc đẩy việc áp dụng phương thức dạy học Blended Learning vào đào tạo đại học vì sự phù hợp và những lợi ích mà phương thức đào tạo này mang lại.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hiện đang thực hiện giảng học phần triết học Mác – Lênin theo Quyết định 4890/QĐ- BGDĐT ngày 23/12/2019 v/v Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về Lý luận chính trị. Theo Quyết định này chương trình học phần Triết học Mác – Lênin được giảng dạy trong thời lượng 45 tiết. Đây là môn học đầu tiên trong chương trình các môn lý luận chính trị ở các trường Đại học, đồng thời, đây lại là môn học tư duy với ngôn ngữ mang tính trừu tượng cao nên đó là một môn học tương đối dài và khó đối với sinh viên.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã có thời gian giãn cách xã hội vì đại dịch Covid 19 giảng dạy bằng hình thức trực tuyến. Phương thức giảng dạy hoàn toàn trực tuyến đó đã cho thấy những hạn chế nhất định của nó.

Hiện nay phương thức này chỉ sử dụng cho đối tượng đào tạo vừa làm vừa học tại trường. Sau thời gian giãn cách xã hội, nhà trường lại quay trở lại học tập bằng hình thức trực tiếp truyền thống. Để phát huy tối ưu phương pháp giảng dạy nhằm giúp cho sinh viên dễ dàng hơn trong tiếp cận môn học Triết học Mác - Lênin, phát huy tinh thần chủ động trong chiếm lĩnh tri thức, hướng tới mục tiêu lấy người học làm trung tâm, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Nghiên cứu xây dựng bài giảng e – learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội”*** làm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí năm 2024.

2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Báo cáo đề tài phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy học phần triết học Mác Lênin tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; nghiên cứu này cũng dùng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên giảng dạy triết học trong Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Công nghệ thông tin là một công cụ đắc lực cho việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy học và việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số kết hợp với dạy học trực tiếp đang ngày càng phổ biến trên thế giới. Ở Việt Nam, phương thức dạy học kết hợp đã bước đầu được triển khai ở một số trường đại học.

Tác giả Nguyễn Văn Hiền (2008) có đưa ra khái niệm “học tập hỗn hợp” để chỉ hình thức kết hợp giữa cách học truyền thống với học tập có sự hỗ trợ của công nghệ, học tập qua mạng” [5, tr.34, 43,44]. Tác giả Nguyễn Danh Nam cũng đưa ra nhận định: “sự kết hợp giữa e – learning với lớp học trực tiếp trở thành một giải pháp tốt, nó tạo thành một phương thức đào tạo gọi là Blended learning”[8, tr.41-43]. Với các cách định nghĩa khái niệm trên, các tác giả mới chỉ nói đến các hình thức bề ngoài của phương thức dạy học kết hợp, đó là sự kết hợp giữa hình thức tổ chức dạy học trực tiếp và hình thức tổ chức dạy học trực tuyến. Các tác giả đó đều thừa nhận ưu điểm của phương thức dạy học kết hợp.

Tác giả Tô Nguyên Cương (2012) đã chỉ ra được ưu điểm của phương thức dạy học kết hợp nhằm tối ưu hóa quá trình học tập của học sinh, nâng cao chất lượng dạy và học. Cụ thể, về phía người học: quá trình học tập không bị giới hạn không gian, thời gian, cho phép học sinh học bất cứ lúc nào, ở đâu và dễ dàng lựa chọn nội dung học phù hợp với mình. Người học có thể tra cứu, tìm kiếm thêm các ấn bản điện tử của tạp chí nghiên cứu chuyên ngành trong nước và thế giới. Thông qua lớp học trực tuyến, sự phối hợp giữa các học sinh, giữa học sinh và giáo viên và giữa các giáo viên có thể được thực hiện cởi mở, dễ dàng. Đặc biệt, học sinh có thể được quyền chọn những giáo viên, giáo sư giỏi ở các nước khác nhau trên thế giới. Từ đó, xây dựng được thói quen học tập suốt đời, một xã hội học tập không chỉ ở lứa tuổi đi học mà sẽ là tất cả mọi người. Về nội dung học tập: khả năng cập nhật nội dung nhanh chóng, từ đó đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu cho người học. Về yếu tố công nghệ: nội dung kiến thức được trình bày bằng đa phương tiện, trực quan, sinh động nên kích thích được hứng thú học tập cho học

sinh.[2, tr.27,28,38]

Tác giả Nguyễn Thu Hà (2015) đã tổng quan khái quát tình hình nghiên cứu và dạy học kết hợp trong và ngoài nước, đưa ra một số khái niệm, cấu trúc, ưu thế cũng như ứng dụng của phương thức dạy học kết hợp với tư cách là một hình thức tổ chức dạy học mới. Tác giả đưa ra khái niệm phương thức dạy học kết hợp như sau: “*B- learning thực chất là một phương thức dạy và học trên cơ sở ứng dụng ICT để kết nối những ưu thế của dạy học trực tiếp thông qua sự tương tác trực tiếp trên lớp với việc dạy học trực tuyến*”. Dạy học qua ứng dụng ICT có thể bao gồm hai hình thức đó là: khai thác các ứng dụng của ICT ngay trên lớp học hoặc bên ngoài lớp học. Cấu trúc của phương thức dạy học này bao gồm hai thành phần chính là: Dạy học trực tiếp thông qua việc tương tác trực tiếp giữa giáo viên – học sinh và học sinh – học sinh trên lớp học; Dạy học trực tuyến qua việc ứng dụng ICT. Tác giả cũng đưa ra 5 ưu điểm của phương thức dạy học kết hợp[3, tr. 215-221].

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ do Trần Huy Hoàng (chủ nhiệm đề tài) tiến hành “Nghiên cứu sử dụng phương thức B-learning vào dạy học vật lý ở trường phổ thông”, nhóm tác giả đã phân tích: khái niệm phương thức dạy học kết hợp, cấu trúc phương thức dạy học kết hợp, thế mạnh của phương thức dạy học kết hợp trong dạy học. Nhóm tác giả cho rằng: phương thức dạy học kết hợp là sự kết hợp “hữu cơ”, bổ sung lẫn nhau giữa hình thức tổ chức dạy học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và hình thức tổ chức dạy học qua mạng internet với tính tự giác của học sinh thành một thể thống nhất, trong đó các phương pháp dạy học được vận dụng mềm dẻo để tận dụng tối đa ưu điểm của công nghệ thông tin và trực tiếp nhằm mang lại hiệu quả dạy học tốt nhất. Từ việc phân tích các nội dung trên, nhóm nghiên cứu đề xuất được quy trình tổ chức dạy học theo phương thức dạy học kết hợp và vận dụng quy trình vào dạy học một số kiến thức vật lý phổ thông.[4].

Gần đây, tác giả Vũ Thị Hương Giang và các đồng nghiệp (2017) đã nghiên cứu ứng dụng phương thức dạy học kết hợp ở bậc đại học, một trường hợp nghiên

cứu triển khai phương thức này vào dạy học cho sinh viên công nghệ thông tin tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Năm 2022, tác giả Nguyễn Thị Kiều Vân đã cho ra cuốn sách “Thiết kế và tổ chức dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp – bài học nâng cao năng lực số từ giáo dục Mỹ”, Nxb Thế giới, H.2022. Trong cuốn sách này, tác giả đã trình bày cách thức thiết kế và tổ chức dạy học theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến trong các trường phổ thông ở Mỹ. Qua đó rút ra kinh nghiệm về cách thức thiết kế và tổ chức dạy học bằng phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến.[12]

Năm 2024, nhóm tác giả do Nguyễn Lê Nguyệt Minh đứng đầu đã công bố công trình “Vận dụng mô hình “dạy học kết hợp” (Blended – Learning) trong dạy học tích hợp liên môn cho học sinh trung học cơ sở”. Trong bài báo này, các tác giả đã khẳng định việc áp dụng mô hình này được coi là giải pháp tối ưu để giải quyết các vấn đề hạn chế về không gian và thời gian. Bài viết phân tích rõ ràng tình hình hiện tại của việc sử dụng mô hình dạy học kết hợp và dạy học tích hợp, liên môn trong các trường trung học cơ sở tại Hà Nội. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất các giải pháp áp dụng mô hình “Dạy học kết hợp” vào dạy học tích hợp và liên môn cho học sinh trung học cơ sở, đồng thời đề xuất một mô hình dạy học tích cực tích hợp cho giáo viên nhằm tối ưu hóa và phát triển toàn diện các năng lực của học sinh.[7, tr.101-106]

Nghiên cứu gần với đề tài nhất là công trình “Phương thức B- learning trong giảng dạy triết học Mác - Lênin ở trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn” của Nguyễn Anh Tuấn – Nguyễn Thị Như [10, tr.66 -75]. Trong bài viết này, các tác giả đã chỉ ra thực trạng học tập triết học Mác - Lênin của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội thông qua việc khảo sát sinh viên của trường. Từ đó, các tác giả đề xuất cách thức tổ chức dạy học triết học Mác-Lê-nin theo phương thức dạy học kết hợp (B-learning) nhằm khơi dậy hứng thú học tập, phát huy vai trò chủ động của người học trong quá trình học tập, qua đó nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên.

Các công trình nghiên cứu về việc xây dựng bài giảng E – learning cũng được quan tâm, tuy nhiên chủ yếu là các bài viết hướng dẫn kỹ thuật xây dựng bài giảng E - learning hoặc sử dụng một phần mềm cụ thể trong xây dựng bài giảng E – learning, trong đó kể đến luận văn: “Ứng dụng công nghệ thông tin thiết kế bài giảng điện tử, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn hóa học lớp 10 (nâng cao)” của tác giả Nguyễn Thị Bích Thảo (2008)[9]. Trong công trình này tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận, ứng dụng Công nghệ thông tin để thiết kế bài giảng điện tử, thực nghiệm sư phạm trên lớp học. Cũng nghiên cứu về xây dựng bài giảng trực tuyến, Tiến sĩ Huỳnh Thị Diễm Uyên (2020)[11] công bố đề tài nghiên cứu: “Xây dựng bài giảng trực tuyến cho học phần hóa học thực phẩm”, mã số T2019-06-140, Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng. Trong công trình này tác giả đã bàn về hình thức E- learning, ưu điểm, hạn chế, phát triển đào tạo theo mô hình E – learning trên thế giới và tiềm năng phát triển ở Việt Nam. Tác giả cũng đề cập tới cơ sở dữ liệu và các công cụ hỗ trợ cụ thể như phần mềm Power Point, phần mềm Bandicam, phần mềm Zoom meeting, phần mềm Team, Voice Recorder và Moodle LMS và kết quả thực hiện bài giảng trên các công cụ hỗ trợ đó. Công trình này rất có giá trị tham khảo cho đề tài của chúng tôi. Đề tài cũng tham khảo luận án: “ Xây dựng và sử dụng E – learning vào dạy học các kiến thức hạt nhân nguyên tử vật lý 12 trung học phổ thông theo mô hình lớp học đảo ngược” của Trương Thị Phương Chi (2017), trường Đại học Vinh [1]. Trong công trình này tác giả nghiên cứu hệ thống E- learning theo hướng hỗ trợ bồi dưỡng năng lực tự học, đồng thời xây dựng và sử dụng hệ thống E- learning trong giảng dạy các kiến thức hạt nhân nguyên tử vật lý lớp 12 theo mô hình lớp học đảo ngược và thực nghiệm sư phạm.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

Từ những năm 2000 nhiều nước trên thế giới như ở Bắc Mỹ, Tây Âu, Châu Á và Châu Úc đã xuất hiện phương thức dạy học kết hợp. Việc ứng dụng phương thức dạy học kết hợp trong giáo dục đã được triển khai rộng rãi trên thế giới và đạt được những hiệu quả nổi bật. Tại Hoa Kỳ, 80% các trường đại học ứng

dụng phương thức dạy học kết hợp trong đào tạo. Có 93% các chương trình đào tạo tiến sĩ và 89% các chương trình đào tạo thạc sĩ ở Mỹ đào tạo bằng phương pháp này (Arabazz và Baber, 2003) [13]. Việc ứng dụng rộng rãi phương thức dạy học kết hợp trong hệ thống đào tạo đại học của 12 quốc gia trên thế giới bao gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Úc, Canada, Mỹ, Mexico, Israel, Anh và Nam Mỹ (Bonk và Graham, 2006) [18]. Cho đến nay phương thức dạy học kết hợp ngày càng chứng tỏ được sự ưu việt của mình so với hình thức học trực tiếp hay dạy học trực tuyến. Điều này được thể hiện trong các nghiên cứu được công bố của Thomson Job Impact Study (2002), Results Oriented learning (2006) của Microsoft [15]. Khi tìm hiểu về hiệu quả khi sử dụng phương thức dạy học kết hợp, tác giả Singh (2003) [26, tr. 51-54] cung cấp một cái nhìn toàn diện về phương thức dạy học kết hợp là kết hợp sử dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy quá trình học tập là một phương thức đã và đang ngày càng phổ biến đặc biệt ở bậc đại học. Clark & Mayer (2011)[25], tác giả đã xuất bản cuốn sách "E-Learning and the Science of Instruction", tập trung vào việc xây dựng và thiết kế bài giảng trực tuyến dựa trên các nguyên tắc học tập từ nghiên cứu về nhận thức. Cuốn sách đã trở thành tài liệu tham khảo quan trọng cho những nhà thiết kế E-learning muốn tạo ra các khóa học trực tuyến hiệu quả.

1.3. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước

Nhìn chung, các vấn đề liên quan đến đề tài đã được nhiều nhà khoa học quan tâm và có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về khoa học, đó là kho tài liệu quý báu làm cơ sở lý luận cho việc tham khảo nghiên cứu, thực hiện đề tài. Các công trình đó đã cho thấy phương thức dạy học kết hợp là xu thế cần được triển khai và áp dụng rộng rãi vào dạy học trong các trường đại học và phổ thông trong thời đại 4.0. Các công trình nghiên cứu đã phân tích khái niệm, hình thức, cấu trúc, cách thức thiết kế và tổ chức dạy học theo phương thức kết hợp. Các

công trình khoa học đó cũng đã chỉ ra phương thức dạy học kết hợp khá đa dạng và linh hoạt ở các cấp độ, mức độ triển khai áp dụng khác nhau tùy theo các yêu cầu, mục tiêu giáo dục khác nhau và cho thấy những lợi ích và thách thức khi sử dụng phương thức dạy học kết hợp.

Một phần không thể thiếu trong dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến là xây dựng bài giảng điện tử. Nội dung này cũng có nhiều bài viết về ứng dụng các phần mềm trong thiết kế bài giảng E – learning, một số công trình nghiên cứu về quy trình sử dụng bài giảng E – learning hoặc ứng dụng bài giảng điện tử trong giảng dạy một môn học cụ thể trong giáo dục đại học và giáo dục phổ thông. Một số tác giả đã chỉ ra tầm quan trọng của việc thiết kế các bài giảng trực tuyến phù hợp với chương trình giảng dạy, chú trọng vào tính tương tác và tính linh hoạt.

Các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản và cần thiết trong việc xây dựng bài giảng trực tuyến, bao gồm thiết kế dựa trên lý thuyết nhận thức, tạo ra trải nghiệm học tập hấp dẫn và sử dụng công nghệ hiệu quả. Các công trình cũng cung cấp các hướng dẫn chi tiết về cách thiết kế E-learning dựa trên nghiên cứu về tâm lý học và lý thuyết học tập

Tuy nhiên, việc triển khai E-learning tại Việt Nam vẫn gặp nhiều thách thức, chủ yếu liên quan đến hạ tầng công nghệ chưa phát triển đầy đủ và sự thiếu hụt về kỹ năng sử dụng công nghệ của một số giáo viên. Dù vậy, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng E-learning là xu thế tất yếu để nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Ở một phạm vi cụ thể là xây dựng một bài giảng E – learning để phù hợp với phương thức dạy học kết hợp với điều kiện cụ thể của một nhà trường là một nghiên cứu cần thiết. Việc thực hiện đề tài này đã được kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học tiền bối.

CHƯƠNG 2: PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Không gian: tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Thời gian: năm 2024
- Nội dung: Đề tài nghiên cứu xây dựng một bài giảng E-learning trong học phần Triết học Mác- Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Bài giảng E-learning cho học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, trong bối cảnh áp dụng phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến

2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

2.3.1 Phương pháp thu thập và nghiên cứu tài liệu

Trong đề tài này phương pháp thu thập và nghiên cứu tài liệu được dùng trong phần xây dựng tổng quan tình hình nghiên cứu và lý luận dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

Chúng tôi đã thu thập tài liệu dựa vào các từ khóa: “dạy học kết hợp”, “dạy học trực tuyến”, “xây dựng bài giảng trực tuyến”, “xây dựng bài giảng e – learning” trong các thư viện và trên mạng internet. Sau khi tìm kiếm được tài liệu thích hợp, chúng tôi đã tiến hành đánh giá các tài liệu bằng cách đọc và xác định tính xác thực, uy tín và khả năng ảnh hưởng của chúng đối với đề tài, nhất là các tài liệu trên mạng internet. Chúng tôi chỉ sử dụng những tài liệu trên các trang web chuyên ngành, các trang chính thống của các tạp chí chuyên ngành.

Sau khi đánh giá các tài liệu, chúng ta sẽ phân tích và tổng hợp thông tin từ các tài liệu này, đối chiếu để tìm ra các điểm liên quan hoặc mâu thuẫn, đồng thời lựa chọn những thông tin phù hợp với nội dung của đề tài để kế thừa, vận dụng và

phát triển.

2.3.2 Phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp quan sát và phương pháp khảo sát xã hội học

Các phương pháp này được dùng để tìm hiểu thực tiễn giảng dạy học phần triết học Mác - Lênin tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Trong đó, phương pháp phân tích dùng để phân tích các thông tin, dữ liệu điều tra để đưa ra những nhận định về thực trạng sử dụng công nghệ thông tin, internet trong dạy học của giảng viên và sinh viên trong trường. Phương pháp tổng hợp tập trung vào việc tổng hợp và đánh giá các tài liệu liên quan đến cơ sở lý luận của phương thức dạy học kết hợp nhằm xác định cơ sở lý luận của việc xây dựng bài giảng E - learning. Phương pháp quan sát tập trung vào việc quan sát và ghi nhận các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên, các hoạt động của các chủ thể khác và tình trạng thực tế trong trường có liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Trong phương pháp khảo sát xã hội học, chúng tôi đã sử dụng các bảng câu hỏi để thu thập dữ liệu từ giảng viên giảng dạy triết học và sinh viên năm thứ hai, thứ ba, thứ tư trong trường. Phương pháp này đã giúp chúng tôi có những số liệu cụ thể làm minh chứng cho những nhận định của mình về thực trạng sử dụng công nghệ thông tin, internet trong dạy học của giảng viên và sinh viên trong trường.

2.3.3 Sử dụng các phần mềm và các phương tiện dạy học kỹ thuật số

Chúng tôi đã sử dụng phần mềm Word để soạn bài giảng dạy text và câu hỏi trắc nghiệm, phần mềm Power Point để soạn bài giảng dạng hình ảnh và phần mềm Zoom để ghi hình bài giảng dạng video trong thiết kế bài giảng e - learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2.3.4 Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Chúng tôi đã thực nghiệm sư phạm bằng Google Class để tạo lớp học trực tuyến, cung cấp bài giảng trực tuyến và Google Form để giao bài tập tự kiểm tra nhằm đánh giá hiệu quả của bài giảng e – learning học phần Triết học Mác - Lênin

theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

CHƯƠNG 3: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC XÂY DỰNG BÀI GIẢNG E- LEARNING HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

3.1. Cơ sở lý luận của việc xây dựng bài giảng E- learning

3.1.1. Khái niệm dạy học kết hợp

Blended Learning hay còn gọi là dạy học kết hợp, là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt tại các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản,... Có nhiều quan niệm khác nhau về phương pháp dạy học này.

Theo Margareth Driscoll (2002), dạy học kết hợp có thể được định nghĩa theo bốn cách khác nhau, trong đó đáng chú ý nhất là sự kết hợp giữa các hình thức dạy học dựa trên công nghệ như videotape, CD-ROM, Web-based training, hoặc phim với dạy học trực tiếp [24].

Năm 2003, Cơ quan Đào tạo Quốc gia Australia (ANTA) mô tả dạy học kết hợp tại Australia là sự tích hợp giữa dạy học trực tiếp và các phương pháp trực tuyến dựa trên web [14]. Downes (2008) [20] và Stacey & Mackey (2009) [27]. cũng nhấn mạnh rằng bản chất của dạy học kết hợp vẫn là dạy học truyền thống (trực tiếp), nhưng có sự bổ sung bởi các hoạt động và nguồn lực trực tuyến.

Heinze và Procter (2003) định nghĩa rằng dạy học kết hợp là phương pháp giảng dạy được thúc đẩy bởi sự kết hợp hiệu quả của các phương thức dạy học khác nhau và phong cách học tập, với sự trao đổi thông suốt giữa tất cả các bên tham gia vào khóa học.[21].

Charles D. D và đồng nghiệp (2004), lại cho rằng dạy học kết hợp không chỉ tập trung vào tỷ lệ phân phối nội dung, mà là cách kết hợp những cơ hội xã hội trong lớp học với sự tăng cường khả năng học tập trực tuyến.[19]. Tương tự, Purnima Valiathan (2012) cho rằng dạy học kết hợp là sự phối hợp giữa các phương pháp phân phối nội dung khác nhau, như phần mềm tương tác, khóa học trực tuyến và hệ thống cung cấp chương trình quản lý phần mềm (EPSS) [17].

Barbour M. và CS (2011), đã chỉ ra rằng dạy học kết hợp là khi học sinh học một phần tại trường và một phần qua môi trường trực tuyến, nơi họ có thể chủ động về thời gian, địa điểm, cách thức và tốc độ học [16]. Khái niệm này nhấn mạnh sự kết hợp nội dung học tập, trong đó mỗi hình thức dạy học đảm nhiệm một phần nội dung học tập.

Ở Mỹ, Hiệp hội quốc tế về học trực tuyến K-12 (International Association for K-12 Online Learning) (2008) định nghĩa tương tự: “Dạy học kết hợp phối hợp việc cung cấp trực tuyến những nội dung giáo dục với việc cung cấp các tính năng tốt nhất của sự tương tác trong lớp học và hướng dẫn trực tiếp để cá nhân hóa việc học tập, cho phép sự phản ánh có suy nghĩ, và khác biệt hóa sự hướng dẫn cho từng người học ở một nhóm người học đa dạng” [22].

Tóm lại, khái niệm của phương thức dạy học kết hợp đã xuất hiện trong một thời gian dài, song thuật ngữ của nó vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất cho đến năm 2006, cho đến khi cuốn sách “Handbook of Blended Learning” đầu tiên của Bonk và Graham được xuất bản. Có ba cách định nghĩa được sử dụng rộng rãi.

(1) BL = kết hợp các phương thức giảng dạy (hoặc cung cấp các phương tiện truyền thông) (*Bersin & Associates, 2003; Orey, 2002a, 2002b; Singh & Reed, 2001; Thomson, 2002*).

(2) BL = kết hợp các phương pháp giảng dạy (*Driscoll, 2002; House, 2002; Rossett, 2002*).

(3) BL = kết hợp hướng dẫn trực tuyến và sự hướng dẫn đôi mặt (*Reay, 2001; Rooney, 2003; Sands, 2002; Ward & LaBranche, 2003; Young, 2002*)[18].

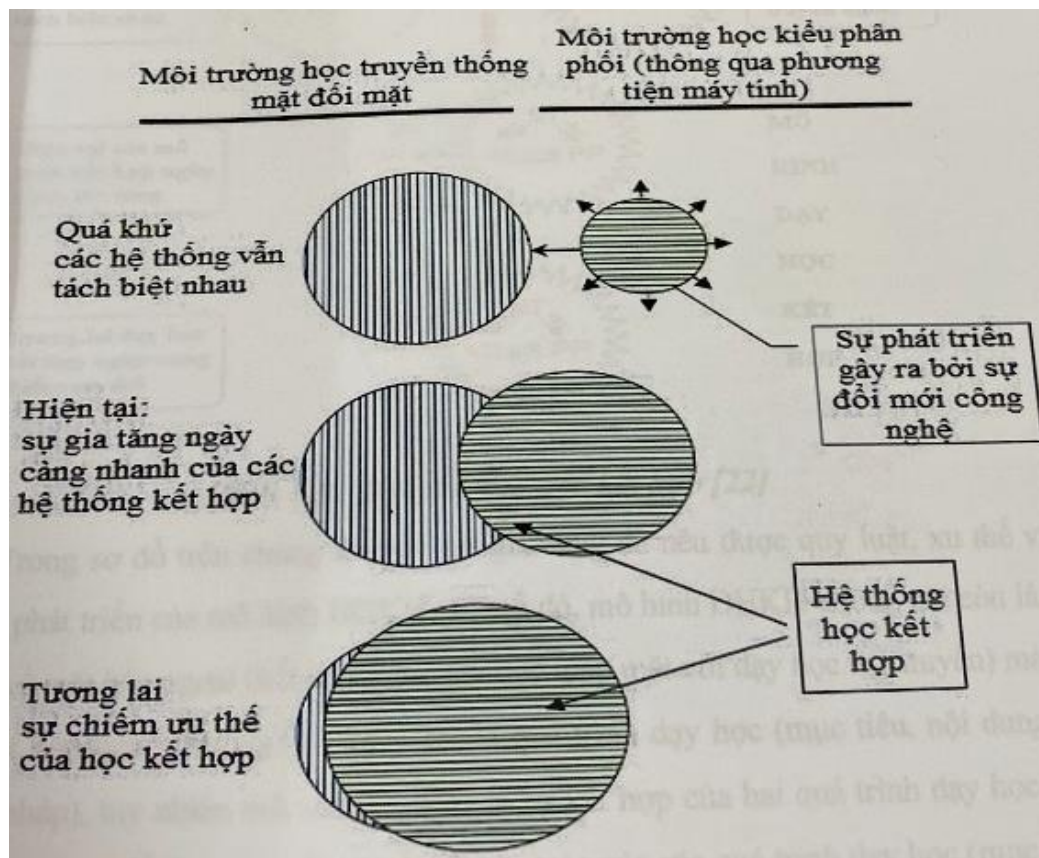
Trong ba định nghĩa trên, việc hiểu phương thức dạy học kết hợp theo hai định nghĩa trước mới đề cập đến phương thức hay phương pháp giảng dạy, định nghĩa thứ ba cho ta thấy cơ sở nền tảng của phương thức dạy học kết hợp, là sự kết hợp giữa môi trường học tập trực tiếp (face to face) và môi trường học tập trực tuyến (E-Learning).

Trong ba định nghĩa này, cách định nghĩa thứ ba thể hiện rõ nền tảng cơ bản của phương thức dạy học kết hợp, đó là sự kết hợp giữa môi trường học tập trực tiếp và trực tuyến. Một số nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh cấu trúc của phương pháp dạy học kết hợp, như nghiên cứu của Victoria L. Tinio, Bonk & Graham và Nguyễn Hồng Lĩnh.

Tác giả Victoria L. Tinio cho rằng “*Dạy học kết hợp (Blended Learning) để chỉ các phương thức dạy học kết hợp giữa hình thức lớp học trực tiếp và các giải pháp E-learning*” với ba hình thức chính: (1) Học trực tiếp tại lớp, (2) Học hợp tác qua mạng, và (3) Tự học trực tuyến hoặc ngoại tuyến. Mỗi hình thức học tập đều đảm bảo người học được tiếp cận nội dung học tập theo cách hiệu quả nhất [28].

Banados (2006), từ góc độ quản lý, xác định rằng phương thức dạy học kết hợp là sự phối hợp giữa công nghệ và giảng dạy trực tiếp, mang lại lợi ích không chỉ trong việc đào tạo trực tuyến mà còn trong việc sử dụng các phương pháp khác để cải thiện kết quả học tập và giảm chi phí [15].

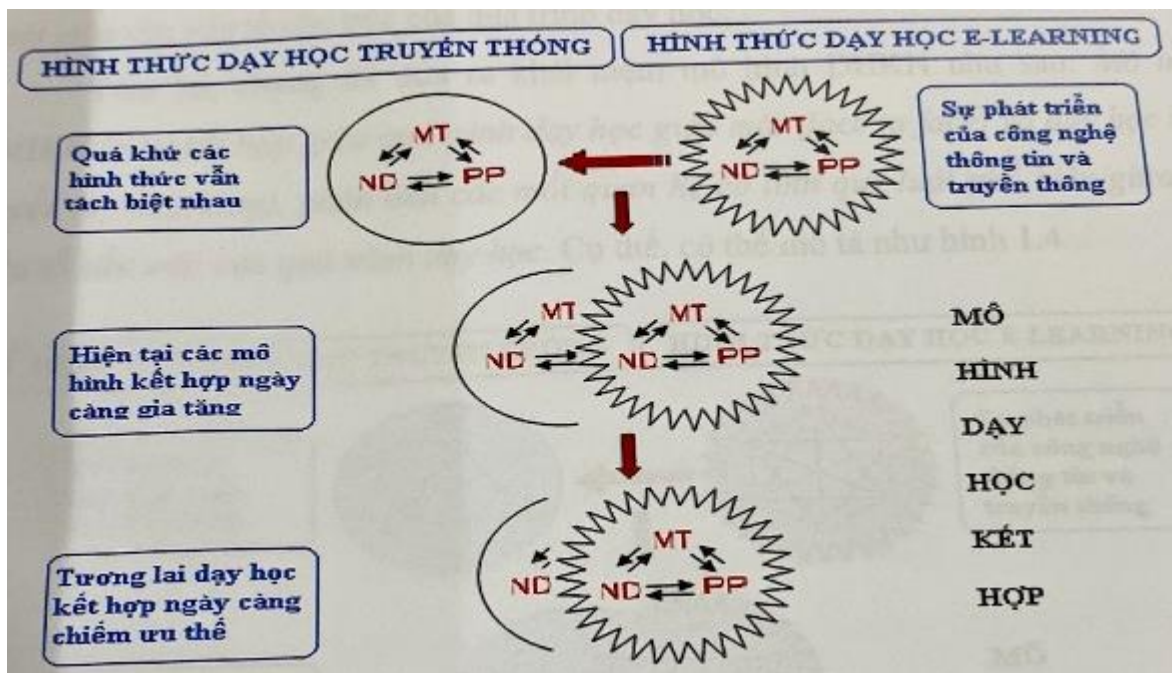
Bonk, C. J. & Graham đưa ra cách hiểu của mình về phương thức dạy học kết hợp và được miêu tả một cách cụ thể, hình tượng trong hình 3.1.



Hình 3.1. Phương thức sự phát triển của dạy học kết hợp

Sơ đồ phát triển của phương thức dạy học kết hợp của Bonk & Graham cho thấy xu hướng công nghệ thông tin ngày càng xâm nhập sâu vào môi trường học trực tiếp, nhưng không thể thay thế hoàn toàn phương pháp này. Phương pháp dạy học kết hợp phản ánh quy luật phát triển của giáo dục trong thời đại công nghệ 4.0.

Nguyễn Hồng Lĩnh (2012) định nghĩa khái niệm phương thức DHKH: “Dạy học kết hợp là phương thức dạy học có sự kết hợp giữa hình thức dạy học truyền thống và hình thức dạy học E-learning, trong đó hình thức dạy học là mặt bên ngoài phản ánh mối quan hệ có tính quy luật giữa Mục tiêu - Nội dung - Phương pháp dạy học”[6]. Tác giả đưa ra phương thức DHKH trong hình 3.2.



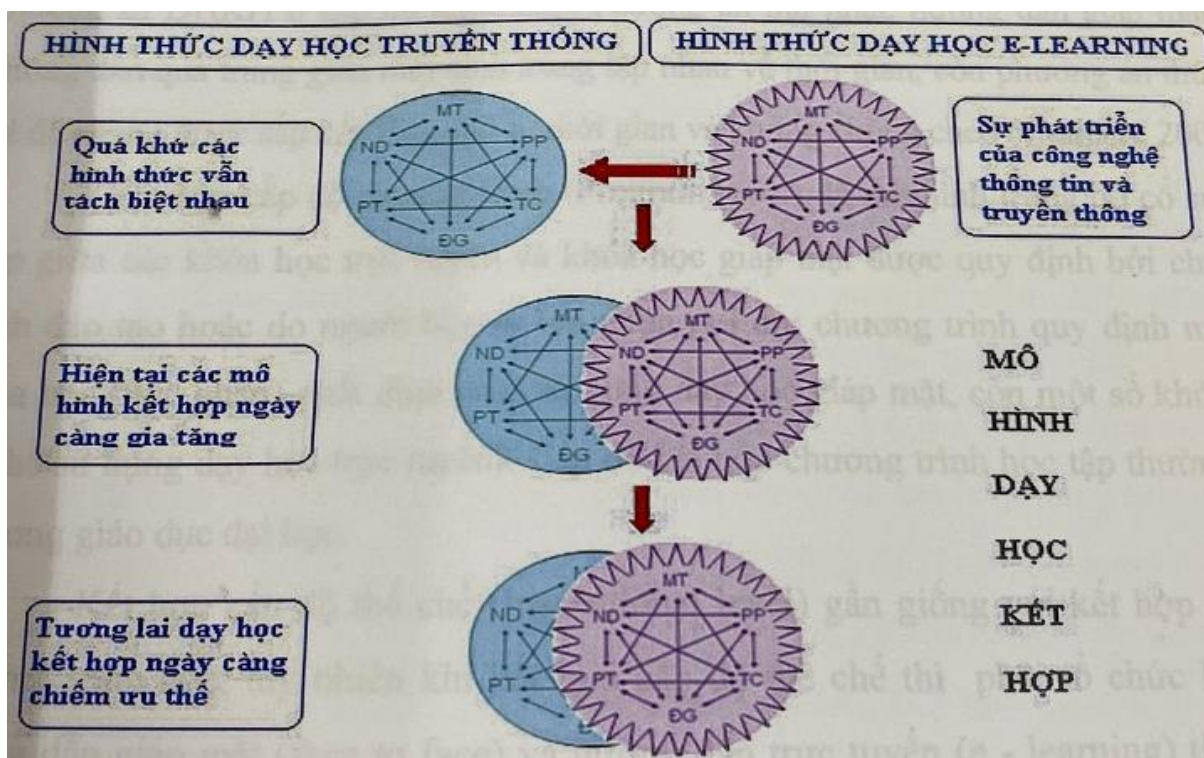
Hình 3.2. Phương thức dạy học kết hợp

Trong sơ đồ trên chúng ta thấy tác giả cũng đã nêu được quy luật, xu thế vận động và phát triển của phương thức dạy học kết hợp. Trong đó, phương thức dạy học kết hợp không chỉ còn là sự kết hợp về mặt bên ngoài (kết hợp giữa dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến) mà đã có sự kết hợp của 3 trụ cột quan trọng của quá trình dạy học (mục tiêu, nội dung và phương pháp), tuy nhiên phương thức dạy học kết hợp là sự kết hợp của hai quá trình dạy học nên phải đảm bảo sự kết hợp của tất cả yếu tố cấu trúc của các quá trình dạy học (mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và đánh giá).

Như vậy, có rất nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm phương thức dạy học kết hợp. Nhưng cho dù là khái niệm nào thì cũng phải nhấn mạnh *bản chất quá trình dạy học bao hàm mối quan hệ có tính quy luật giữa các yếu tố cấu trúc của quá trình dạy học*. Hình thức tổ chức dạy học chỉ là hình thái tồn tại của quá trình dạy học - là mặt bên ngoài phản ánh mối quan hệ biện chứng có tính quy luật giữa các yếu tố cấu trúc của quá trình dạy học. Do đó, khi kết hợp các hình thức dạy học với nhau, ta không nên tách biệt các yếu tố cấu trúc của quá trình dạy học như các quan niệm: chỉ nhấn mạnh sự kết hợp về phương thức hay sự kết hợp về

phương pháp dạy học, hoặc chỉ nhấn mạnh sự kết hợp về hình thức tổ chức dạy học là mặt bên ngoài mà không quan tâm đến mặt bên trong phản ánh mối quan hệ biện chứng có tính quy luật giữa các yếu tố cấu trúc của quá trình dạy học.

Chúng tôi đồng ý và sử dụng khái niệm phương thức dạy học kết hợp như sau: *Phương thức dạy học kết hợp là sự kết hợp giữa quá trình dạy học trực tiếp (face to face) và dạy học trực tuyến (E-learning), phản ánh các mối quan hệ có tính quy luật phổ biến giữa các yếu tố cấu trúc của quá trình dạy học.* Đây là cách hiểu khái niệm DHKH, làm cơ sở lý luận cho các nội dung của đề tài. Cụ thể, có thể mô tả như hình 3.3.



Hình 3.3. Phương thức dạy học kết hợp

3.1.2. Các phương thức dạy học kết hợp

Blended Learning có thể triển khai ở nhiều cấp độ khác nhau, từ cấp độ hoạt động (tích hợp các yếu tố trực tiếp và trực tuyến trong từng hoạt động học tập), cấp độ khóa học (kết hợp xuyên suốt một môn học), đến cấp độ chương trình (trong toàn bộ chương trình đào tạo) và cấp độ thể chế (quy mô toàn trường).

Theo phân tích các công trình của các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục trên thế giới, các phương thức dạy học kết hợp có thể phân loại một cách tổng quát thành sáu phương thức kết hợp ở mức độ vi mô tùy theo đặc thù người học của lớp học. Cụ thể:[23]

- Phương thức face-to-face driver (hướng dẫn trực tiếp trên lớp và kết hợp các phương tiện điện tử có kết nối Internet): phương thức này dựa trên phương thức lớp học trực tiếp (face to face), mặc dù phần lớn các hoạt động trên lớp đã được thay thế bởi các hoạt động học trực tuyến. Thời lượng học trực tiếp với giáo viên là bắt buộc đối với phương thức này và các hoạt động học trực tuyến được sử dụng để bổ trợ kiến thức cho người học. Đọc tài liệu, làm bài tập trắc nghiệm và các bài tập đánh giá khác đều được hoàn thành online, ở nhà. Phương thức cho phép người học và giáo viên có nhiều thời gian để chia sẻ kiến thức, kỹ năng cũng như dành cho các hoạt động học tập đặc biệt như thảo luận và làm việc nhóm. Phương thức này cũng đặc biệt phù hợp với những lớp học đa dạng, người học có sự phân khúc khác nhau về khả năng nhận thức.

- Phương thức rotation (phương thức quay vòng/luân phiên): Đây thực chất là sự biến thể của phương thức trạm học tập đã được các giáo viên sử dụng trong nhiều năm qua. Phương thức này kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp theo lịch trình luân phiên. Bao gồm ba hình thức nhỏ: Station Rotation: Sinh viên luân chuyển giữa các nhóm học tập nhỏ để khám phá các phần khác nhau của bài học. Lab Rotation: Sinh viên thay đổi địa điểm học tập (phòng học, phòng thực hành). Individual Rotation: Sinh viên thay đổi các hình thức học tập khác nhau theo lịch cá nhân. Phương thức này phù hợp hơn với giáo dục trung học cơ sở và phổ thông.

- Phương thức flex (linh hoạt): Phương thức này chủ yếu dựa trên hướng dẫn giảng dạy trực tuyến, các giáo viên không chỉ đưa ra những hướng dẫn mà còn đóng vai trò là người trực tiếp hướng dẫn người học. Toàn bộ chương trình học được người học truy cập qua các phần mềm học tập trực tuyến. Phương thức này đặc biệt phù hợp với các đối tượng vừa học vừa làm.

- Phương thức lab school (phòng thực hành): Phương thức cho phép người học được tham gia các lớp học trực tuyến toàn thời gian trong suốt khóa học. Các giáo viên sẽ không tham gia giảng dạy trực tiếp trên lớp mà thay vào đó là các trợ giảng đã được đào tạo tham gia giải đáp thắc mắc cho người học trên lớp.

- Phương thức self-blended (kết hợp tự do): Phương thức này cho phép người học được tham gia học các môn học không nằm trong chương trình học của họ. Người học vẫn tham gia các lớp học trực tiếp nhưng sau đó có thể đăng kí tham gia học các môn học khác và tự học.

- Phương thức online driver (học trực tuyến): Phương thức này khác hẳn với phương thức học tập trực tiếp. Người học học tập từ xa và nhận hướng dẫn học tập thông qua nền tảng trực tuyến. Giáo viên là người thiết kế các bài giảng trực tuyến, các bài tập, bài đánh giá để người học truy cập học tập trực tuyến. Người học được giáo viên giải đáp thắc mắc qua việc hỏi đáp trực tuyến.

Sáu phương thức DHKH trên đề cập kết hợp ở mức độ vi mô đều phản ánh mối quan hệ giữa hai hình thức dạy học (dạy học trực tiếp (face to face) với dạy học trực tuyến (E-learning), nhưng mức độ và tỉ lệ giữa dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến khác nhau, tỉ lệ trực tuyến ngày càng tăng từ phương thức face-to-face driver đến phương thức online driver, ngoài ra không đề cập đến bản chất của quá trình dạy học kết hợp, kĩ thuật thiết kế các gói học liệu có tính tương tác cao trong chính nội dung học tập.

Tuy nhiên, có thể nói các phương thức dạy học kết hợp không chỉ phát huy được ưu điểm của dạy học trực tuyến (E-learning) và ưu điểm của dạy học trực tiếp (face to face), mà sự kết hợp hữu cơ đó còn làm xuất hiện thêm những ưu điểm nổi trội mà 2 hình thức tổ chức dạy học trên không có được, nó đang nổi lên như là phương thức giảng dạy chủ yếu của tương lai”.

3.1.3. Đặc điểm chung của phương thức dạy học kết hợp

Các nghiên cứu trên đây đã làm rõ khái niệm DHKH, các cấp độ kết hợp ở mức độ vĩ mô và các phương thức của DHKH ở mức độ vi mô. Ta thấy, phương thức DHKH khá đa dạng và linh hoạt trong các hình thức, cấp độ, mức độ triển

khai áp dụng tùy theo các yêu cầu, mục tiêu giáo dục khác nhau; nhưng có thể khái quát các phương thức DHKH trên đều có một số đặc điểm chung sau:

- Sự kết nối: các mục tiêu (kiến thức, kỹ năng và thái độ), các hoạt động, thao tác và hệ thống năng lực, các nguồn lực hỗ trợ học tập bên ngoài.

- Sự tương tác: tương tác với nội dung (gồm các định dạng khác nhau: văn bản, hình ảnh, âm thanh, sơ đồ, video...) với bạn học, với GV.

- Tính mở và linh hoạt: không gian, thời gian, nhu cầu và sự quan tâm, hứng thú và năng lực cá nhân, hợp tác và chia sẻ...

- Tính định hướng kết quả đầu ra: buộc người học phải thực hiện trọn vẹn một thao tác, kỹ năng với các công cụ công nghệ.

- Dựa trên nền tảng công nghệ: đáp ứng các mục tiêu, nội dung và phương pháp dựa trên các phương tiện công nghệ hiện đại.

Qua nghiên cứu, phân tích điểm giống nhau, khác nhau và vận dụng của 6 phương thức DHKH trên thế giới, thấy rằng để triển khai phương thức DHKH mang tính khả thi đối với cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, phương thức face-to-face driver là thích hợp nhất nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực tự học trực tuyến cho sinh viên.

3.1.4. Các mức độ sử dụng phương thức dạy học kết hợp

Để dễ dàng vận dụng các cấp độ kết hợp và sử dụng các phương thức dạy học kết hợp theo tỉ lệ giữa dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến, chúng tôi chia 3 mức độ sử dụng phương thức dạy học kết hợp như sau:

- Mức độ 1: Giáo viên cung cấp bài giảng và giảng bài trên lớp, hỗ trợ các tài liệu hướng dẫn môn học cho người học. Ở mức độ này, lớp học trực tiếp đóng vai trò chủ đạo, lớp học trực tuyến chỉ đóng vai trò hỗ trợ (không bắt buộc). Tỉ lệ kết hợp giữa lớp học trực tiếp và lớp học trực tuyến là 80:20.

Kết hợp ở mức độ 1 thuận lợi với người dạy chưa tự tin hoặc mới làm quen với việc sử dụng các công cụ công nghệ dạy học và hỗ trợ dạy học trực tuyến, cũng như mới làm quen với việc thiết kế các bài học, khóa học ở dạng kết hợp. Dựa trên nền tảng của các bài học có sẵn, không cần thiết phải thay đổi phương

pháp giảng dạy, người dạy có thể bổ sung một số các hoạt động dạy học ở dạng trực tuyến, ví dụ yêu cầu người học (sinh viên) ngoài các hoạt động thường kỳ phải nộp bài, thảo luận qua mạng... Người dạy có thể sử dụng một số công cụ ở dạng webquest, wiki, hay mạng xã hội như Facebook để thực hiện được các hoạt động. Tương tự, đối với người học cũng không yêu cầu cao về mức độ sử dụng công nghệ. Người học được đánh giá bởi cả hoạt động trên lớp cũng như hoạt động ngoài không gian lớp học trực tiếp. Tuy nhiên, dạng thức này có thể gây nên sự quá tải với cả người học và người dạy. Người học có thể nhìn nhận cùng tham gia cả 2 khóa học: trực tiếp và trực tuyến, bởi lẽ một số hoạt động học tập trong dạng thức trực tiếp vẫn được giữ nguyên, và chỉ bổ sung một số các hoạt động ở dạng trực tuyến. Người dạy cũng có thể cảm thấy quá tải bởi khối lượng công việc bổ sung khi thực hiện đánh giá các hoạt động bổ sung của người học. Đồng thời, người dạy và người học không nhận được hỗ trợ kỹ thuật cần thiết từ đội ngũ kỹ thuật viên chuyên nghiệp trong duy trì hoặc hỗ trợ các công cụ dạy học trực tuyến.

- Mức độ 2: Giáo viên phải thiết kế các bài giảng trực tuyến và cung cấp cho người học. Mức độ này thì vai trò của lớp học trực tiếp và lớp học trực tuyến ngang bằng nhau (50:50).

Kết hợp ở mức độ 2, yêu cầu một số các hoạt động học tập trong bài học/khóa học trực tiếp được thiết kế lại và thay thế bởi các hoạt động học tập trong môi trường trực tuyến. Công việc này đòi hỏi người dạy phải có sự hiểu biết nhất định, và có sự tự tin khi sử dụng công nghệ để thiết kế hoạt động học tập và môi trường dạy học trực tuyến. Trước khi thiết kế, người dạy phải suy nghĩ kỹ để quyết định có thể thay thế những hoạt động, nội dung nào ở dạng thức trực tuyến, thay vì trực tiếp, để hiệu quả dạy học được tốt hơn. Số lượng các hoạt động thay thế, nội dung thay thế không cố định mà phụ thuộc vào các điều kiện dạy học cụ thể như: đặc điểm người học, kinh nghiệm dạy học, phong cách dạy học, mục tiêu dạy học và các nguồn học liệu trực tuyến. Các hoạt động dạy học này được thiết kế theo kịch bản dạy học, gắn với sự thay đổi của phương pháp dạy học phù hợp với bối cảnh. Nội dung bài giảng này được đưa trước trên môi trường trực tuyến thông

qua địa chỉ cụ thể. Học liệu cần tìm hiểu có thể ở các dạng: slide bài giảng, đoạn phim ngắn... Sau khi nghiên cứu phần nội dung bài học được quy định, người học phải thực hiện nhiệm vụ như trả lời một số câu hỏi, viết tóm tắt hay thu hoạch... để đảm bảo rằng người học có thực hiện nhiệm vụ được giao. Tương tự như dạng thức kết hợp ở mức độ 1, dạng thức kết hợp ở mức độ 2 cũng đặt ra một áp lực nhất định đối với người dạy và người học. Đối với người dạy, cần lựa chọn và phân bổ hoạt động phù hợp với hoạt động dạng trực tiếp cũng như trực tuyến.

- Mức độ 3: Giáo viên cung cấp tài liệu đa phương tiện (có âm thanh, hình ảnh, video...) cho người học, xây dựng hệ thống kiểm tra trực tuyến để kiểm tra định kỳ cho môn học. Mức này cao hơn hẳn so với 2 mức độ trước, học tập trực tuyến đóng vai trò chủ đạo ở mức này. Tỷ lệ kết hợp giữa lớp học trực tiếp và lớp học trực tuyến là 30:70.

Kết hợp ở mức độ 3, là yêu cầu cao nhất đối với người dạy khi thiết kế khóa học. Người dạy thiết kế khóa học hoàn toàn mới, thay vì điều chỉnh khóa học dựa trên nội dung và tiến trình dạy học trực tiếp. Để thiết kế khóa học và dạy học ở mức độ này, người dạy phải có hiểu biết cao về các công cụ, công nghệ để thiết kế bài dạy, khóa học và kiểm tra đánh giá ở dạng thức kết hợp và trực tuyến. Người dạy cần có những kiến thức về lý thuyết và trải nghiệm về DHKH để thiết kế bài học và khóa học. Tìm hiểu không ngừng về những công cụ, công nghệ và phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học mới sẽ giúp người dạy có nền tảng để thiết kế khóa học sinh động, hấp dẫn và hiệu quả. Việc thiết kế và xây dựng khóa học kiểu này có thể mất thời gian gấp nhiều lần so với thiết kế một khóa học theo dạng thức dạy học trực tiếp. Đây là một trở ngại khá lớn, đòi hỏi phải đầu tư thời gian và công sức.

Trong đề tài này, chúng tôi triển khai ở cấp độ khóa học, thông qua thiết kế bài giảng kết hợp trực tuyến - trực tiếp. Tỷ lệ kết hợp giữa dạy trực tiếp và trực tuyến là 50:50 nhằm nâng cao chất lượng học tập và phát triển năng lực tự học trực tuyến cho sinh viên.

3.2. Cơ sở thực tiễn của việc xây dựng bài giảng E- learning học phần triết học Mác – Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hiện nay, cơ sở vật chất để phục vụ cho việc giảng dạy trực tuyến đã bước đầu đáp ứng được. Qua quan sát cho thấy các giảng viên giảng dạy triết học và sinh viên đều có phương tiện công nghệ thông tin kết nối internet để chuẩn bị bài giảng, giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Điều này đã được trải nghiệm thông qua việc học online trong đợt giãn cách xã hội do dịch Covid – 19. Hiện tại mạng internet tại trường đã được phủ rộng khắp trong toàn trường, từ các phòng học, thư viện, các phòng chức năng đến căng tin, sân chơi. Tuy nhiên, đôi lúc, đôi chỗ băng thông hơi thấp, khiến cho việc kết nối mạng và tốc độ đường truyền internet trong trường bị chậm. Điều này cần nhà trường quan tâm, khắc phục để việc triển khai phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường được thuận lợi.

Nhà trường cũng đã có chủ trương ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến phù hợp với mô hình chuyển đổi số trong trường đại học. Cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Quyết định số 659/ QĐ – TĐHHN ngày 23.2.2024 về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Quyết định số 1190/ QĐ – TĐHHN ngày 29.3.2024 quy định về tổ chức xây dựng bài giảng điện tử tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Trong quá trình các khoa/ bộ môn xây dựng bài giảng điện tử, để phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, ngày 27.8.2024 Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Quyết định số 3977/ QĐ – TĐHHN quy định về tổ chức xây dựng bài giảng điện tử tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thay thế Quyết định số 1190/ QĐ – TĐHHN ngày 29.3.2024. Chủ trương này của nhà trường hiện nay rất thuận lợi cho việc áp dụng

phương thức giảng dạy kết hợp trực tiếp và trực tuyến trong giảng dạy học phần triết học Mác – Lênin.

Hiện tại, trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, học phần triết học Mác - Lênin được giảng dạy theo Quyết định 4890/QĐ – BGDĐT ngày 23/21/2019 về việc phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị. Theo đó, học phần triết học Mác – Lênin được thiết kế là học phần đầu tiên trong các học phần lý luận chính trị với thời lượng 3 tín chỉ và được giảng dạy bằng hình thức học tập trực tiếp.

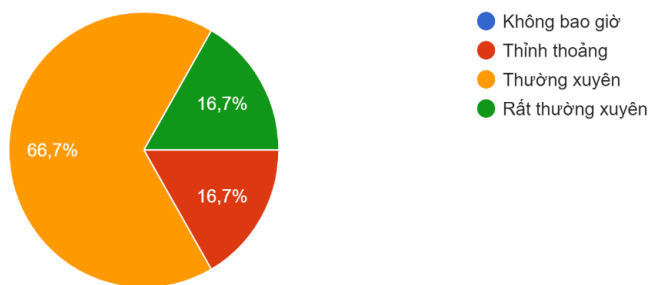
Hiện tại, học phần triết học Mác – Lênin ở trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được giảng dạy bởi 08 giảng viên chuyên ngành triết học thuộc bộ môn Mác – Lênin, khoa Lý luận chính trị, trong đó có 02 tiến sĩ, còn lại là thạc sĩ. Các giảng viên đều ở độ tuổi từ 35 đến 55. Để làm rõ thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và Internet trong dạy học và hiểu biết về phương thức B-Learning (Dạy học kết hợp) trong dạy học, Chúng tôi đã thiết kế và sử dụng phiếu hỏi để khảo sát 06/08 giảng viên giảng dạy triết học tại Trường. Kết quả thu được như sau:

*Thực trạng sử dụng công nghệ thông tin và internet trong dạy học của giảng viên

- Về mức độ khai thác và sử dụng mạng Internet trong dạy học

PHẦN B. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) VÀ INTERNET TRONG DẠY HỌC CỦA GIẢNG VIÊN 1. Thầy, cô có thường xuyên truy cập mạng Internet không?

6 câu trả lời



Kết quả khảo sát

Với câu hỏi “Thầy cô có thường xuyên truy cập mạng Internet không?” Kết quả trên cho thấy, có 16,7% giảng viên thỉnh thoảng mới truy cập, còn tới 83,3% thường xuyên và rất thường xuyên truy cập để khai thác nguồn tài nguyên trên mạng phục vụ giảng dạy. Phần lớn giảng viên khẳng định việc sử dụng Internet trong dạy học là cần thiết và mang lại hiệu quả cao. Điều này chứng tỏ giảng viên đã có khả năng tiếp cận tốt với công nghệ, giúp họ sẵn sàng cho việc dạy học kết hợp (B-Learning).

Trong số giảng viên được hỏi, 83,3% (5/6 giảng viên) cho biết họ "sử dụng thành thạo" Internet để tìm kiếm thông tin phục vụ bài giảng. Chỉ 1/6 giảng viên cảm thấy họ chỉ "sử dụng cơ bản" Internet. Điều này cho thấy giảng viên đều có đủ kỹ năng sử dụng Internet, giúp họ dễ dàng tìm kiếm và tổ chức tài liệu dạy học trực tuyến. Đa số giảng viên cũng thường xuyên truy cập mạng Internet để tìm kiếm thông tin, tư liệu phục vụ bài dạy, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

- Những khó khăn gặp phải khi truy cập mạng Internet để phục vụ công tác giảng dạy đối với giảng viên

4. Khi tìm kiếm và sử dụng thông tin trên mạng Internet, thầy, cô thường gặp khó khăn nào nhất?
6 câu trả lời



Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, khó khăn phổ biến được nêu ra là "tư liệu có giá trị sử dụng thấp, phải gia công lại" với 50% giảng viên đồng ý. Điều này chứng tỏ

việc thiếu tài liệu chất lượng cao vẫn là trở ngại lớn đối với giảng viên khi sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Số còn lại cho rằng: “thông tin trên Internet là thông tin, tài liệu có bản quyền, không thể xem hoặc tải”.

- Trình độ sử dụng các phần mềm dạy học của giảng viên

Đối với giảng viên, trình độ sử dụng các phần mềm phục vụ giảng dạy được tổng hợp trong bảng

STT	Kĩ năng	Sử dụng tốt	Biết cơ bản	Không biết sử dụng
1.1	Phần mềm soạn thảo văn bản Word	50%	50%	0%
1.2	Phần mềm tính Excel	0%	100%	0%
1.3	Phần mềm trình chiếu (Power Poin, Canva...)	50%	50%	0%
1.4	Phần mềm hỗ trợ dạy học (Violet, Flip...)	0%	100%	0%
1.5	Trang Web	17%	83%	0%
1.6	Trao đổi thông tin trên mạng internet (Zalo, email...)	33,3%	66,7%	0%
1.7	Sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng	33,3%	66,7%	0%
1.8	Thiết kế trang web	0%	66,7%	33,3%

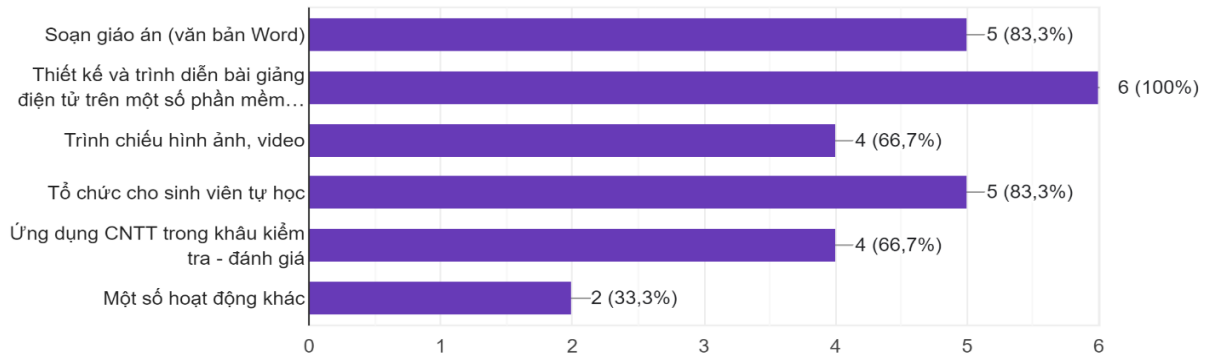
Bảng số liệu kết quả khảo sát

Bảng số liệu này cho thấy, trình độ tin học cơ bản của giảng viên khá tốt. Nhiều phần mềm 100% giảng viên sử dụng tốt và cơ bản như phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu powerpoint, trao đổi thông tin trên mạng hay sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng để phục vụ dạy học và trao đổi chuyên môn. Thậm chí phần lớn giảng viên có khả năng sử dụng các phần mềm phức tạp hơn như thiết kế trang web ở mức cơ bản (66,7%), chỉ có còn lại (33,3%) không biết sử dụng phần mềm này.

- Hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của giảng viên

5. Trong dạy học, thầy, cô đã sử dụng CNTT trong những hoạt động nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án)

6 câu trả lời



Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát này cho thấy, hiện nay công nghệ thông tin được ứng dụng trong dạy học theo hướng chủ yếu là phương tiện của giảng viên. Cụ thể là soạn giáo án Word (83,3%), thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử (100%), trình chiếu hình ảnh, video (66,7%), tổ chức cho sinh viên tự học (83,3%), ứng dụng trong kiểm tra đánh giá (66,7%). Những con số này cho thấy việc áp dụng công nghệ trong giảng dạy của giảng viên đã phổ biến, được áp dụng vào các khâu trong hoạt động dạy học, đặc biệt là trong khâu chuẩn bị bài giảng, dạy học trên lớp và phục vụ cho việc tự học của sinh viên và khâu kiểm tra đánh giá.

Mặc dù, việc ứng dụng công nghệ thông tin của giảng viên vào dạy học đã trở nên phổ biến nhưng giảng viên giảng dạy triết học của khoa vẫn còn gặp khá nhiều khó khăn.

- Những khó khăn thường gặp của giảng viên khi ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

7. Khi sử dụng CNTT trong dạy học, thầy cô thường gặp những khó khăn nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

6 câu trả lời



Kết quả khảo sát

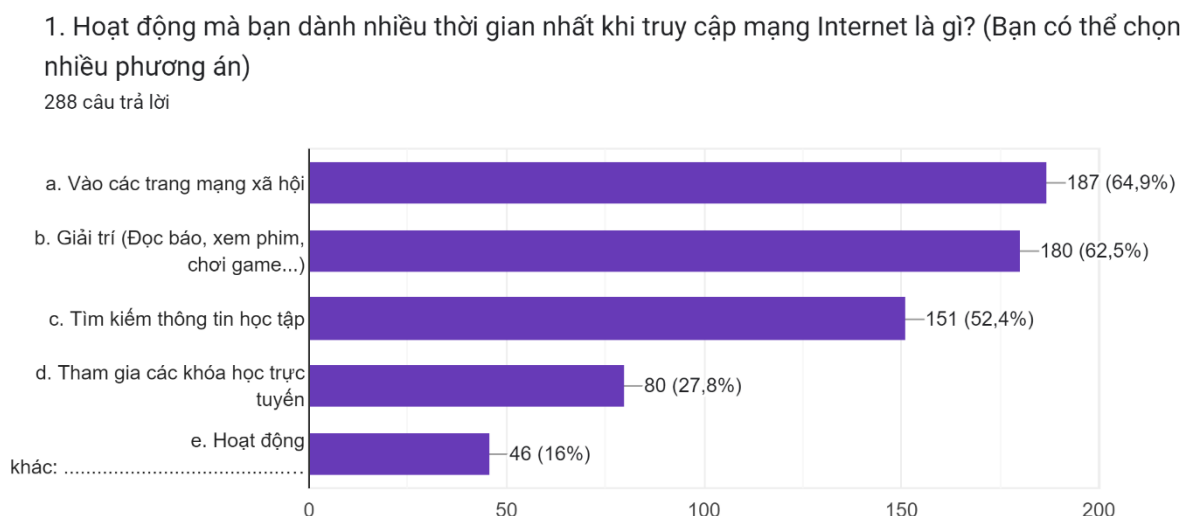
Khó khăn đầu tiên phải kể đến đó là khó khăn khi sử dụng phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử; tiếp theo là Viết hóa các tư liệu đó, đưa tư liệu đó vào bài giảng và nhiều khó khăn khác. Điều này chỉ ra rằng mặc dù giảng viên có thể sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhưng mới chỉ ở mức sử dụng cơ bản là phổ biến, còn khá nhiều khó khăn trong việc sử dụng thành thạo Công nghệ thông tin trong dạy học.

Với 50% giảng viên gặp khó khăn trong việc sử dụng phần mềm và các khó khăn khác trong quá trình sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Nên việc triển khai phương thức dạy học kết hợp cần sự cố gắng hơn nữa từ phía các thầy cô giảng dạy triết học và cần được hỗ trợ thêm về mặt đào tạo kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin và hỗ trợ kỹ thuật từ phía nhà trường.

Ngoài việc khảo sát giảng viên giảng dạy triết học hiện có tại trường, chúng tôi còn khảo sát sinh viên nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng công nghệ thông tin và Internet trong dạy học cũng như hiểu biết về phương thức B-Learning (Dạy học kết hợp) trong dạy học, từ đó xây dựng bài giảng E- learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp - trực tuyến. Chúng tôi đã khảo sát 288 sinh viên cả nam và nữ trong tất cả các ngành học trong trường, bao gồm: quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, ngôn ngữ Anh, quản lý tài

nguyên và môi trường, trắc địa, v.v. Trong số đó 76% là sinh viên năm thứ 2, 16,7% là sinh viên năm thứ ba, còn lại là sinh viên năm thứ 4. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Trong số sinh viên khảo sát, phần lớn sinh viên trả lời rằng họ sử dụng Internet chủ yếu để vào các trang mạng xã hội (64,9%) và giải trí (đọc báo, xem phim, chơi game) (62,5%). Có 52,4% sinh viên dành thời gian tìm kiếm thông tin học tập và 27.8% sinh viên tham gia các khóa học trực tuyến. Điều này cho thấy, mặc dù Internet có tiềm năng lớn trong việc hỗ trợ học tập, phần lớn sinh viên vẫn sử dụng nó cho mục đích giải trí nhiều hơn.



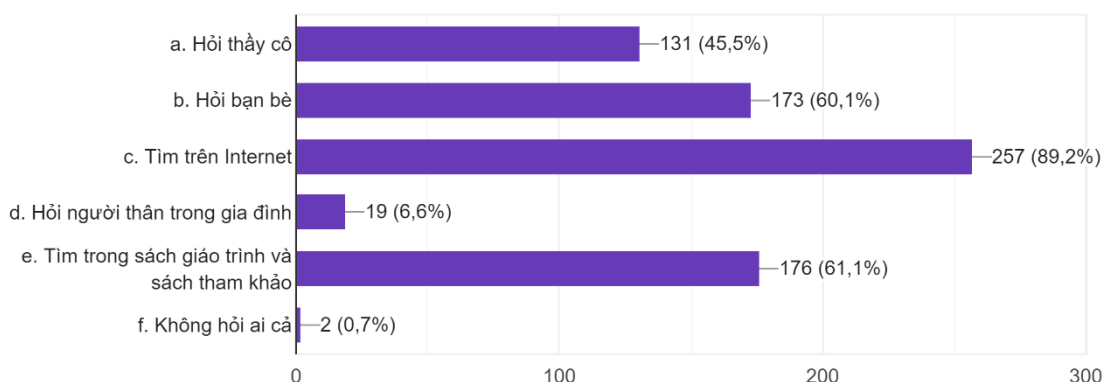
Kết quả khảo sát

Tương ứng với tỉ lệ sinh viên vào internet để tìm kiếm thông tin học tập thì cũng có tới 54,9% sinh viên thường xuyên tìm kiếm thông tin cho bài học. Số sinh viên còn là chỉ thỉnh thoảng (31,3%) hoặc chỉ tìm kiếm khi cần thiết (13,9). Điều này phản ánh rằng việc sử dụng Internet cho học tập vẫn chưa được tối ưu hóa. Nhưng khi gặp khó khăn, thắc mắc trong bài học, 89,2% sinh viên thường tìm lời giải đáp trên Internet khi gặp thắc mắc về bài học, chiếm tỉ lệ cao nhất trong số các phương án đưa ra. 60,1% sinh viên chọn cách hỏi bạn bè, 61,1% sinh viên tìm trong sách giáo trình và sách tham khảo, và chỉ có 45,5% hỏi giảng viên. Điều này

cho thấy sinh viên phụ thuộc nhiều vào thông tin trên mạng hơn là các nguồn học thuật chính thống.

3. Khi có thắc mắc về bài học, bạn thường chủ yếu tìm lời giải đáp ở đâu? (Bạn có thể chọn nhiều phương án)

288 câu trả lời



Kết quả khảo sát

Phần lớn sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ học trực tuyến (Zoom, Microsoft Teams, Google Meet) ở mức cơ bản (67,5%), 10,1% sinh viên chỉ biết sử dụng một số tính năng đơn giản của các công cụ học trực tuyến, cá biệt có 3,1% không biết cách tạo và chia sẻ tài liệu trực tuyến cho bạn cùng học. Điều này có thể là hạn chế khi tham gia vào các phương thức học tập kết hợp, vì yêu cầu kỹ thuật và khả năng tương tác qua các công cụ này cao hơn. Để đáp ứng phương thức học tập kết hợp trực tiếp và trực tuyến, đòi hỏi sinh viên cần nỗ lực hơn trong nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và internet, đồng thời nhà trường cần hỗ trợ sinh viên nhiều hơn nữa để họ cải thiện, có thể làm việc nhóm hiệu quả hơn trong môi trường học trực tuyến.

Khi gặp vấn đề kỹ thuật trong học trực tuyến, 56,1% sinh viên chọn cách tự tìm cách khắc phục thông qua hướng dẫn online. Điều này cho thấy quá nửa sinh viên trong diện khảo sát có tinh thần tự học cao, biết cách khai thác thông tin học tập qua internet. Sinh viên cũng có trách nhiệm trong học tập, khi có thêm 41,8% sinh viên chọn phương án hỏi bạn bè hoặc giảng viên để được hỗ trợ, chỉ có một

số rất ít sinh viên còn lại chờ đến khi có người khác giúp đỡ hoặc bỏ qua chờ đến buổi học sau.

Để có thể triển khai phương thức dạy học kết hợp (Blended Learning), sinh viên – một chủ thể trong hoạt động đó, cần có những hiểu biết nhất định về phương thức đó. Chúng tôi đã khảo sát và nhận thấy đa số sinh viên đã hiểu đúng về phương thức dạy học kết hợp, đó là sự kết hợp giữa học trực tiếp tại lớp và học trực tuyến qua các nền tảng online. Tuy nhiên, một số sinh viên vẫn còn nhầm lẫn với các phương pháp học tập khác như tự học trực tuyến hoặc chỉ sử dụng tài liệu online mà không có sự kết hợp với học trực tiếp. Vì vậy cần hướng dẫn thêm về cách thức dạy học này để việc triển khai phương thức này mang lại hiệu quả cao nhất.

8. Bạn hiểu "phương thức dạy học kết hợp" là gì?

288 câu trả lời



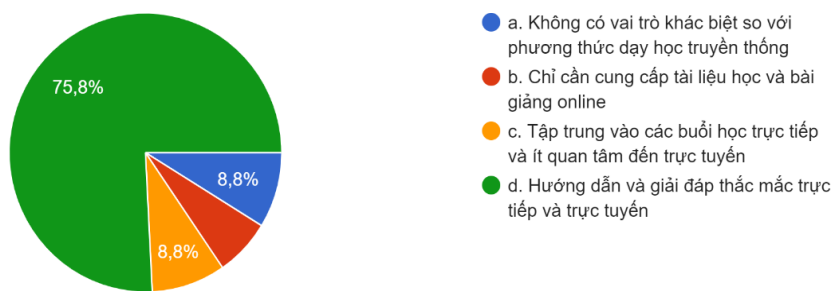
Kết quả khảo sát

Bản thân sinh viên cũng nhận thấy những lợi ích lớn của phương thức dạy học kết hợp, lần lượt các phương án được sinh viên lựa chọn là: giảm chi phí và thời gian đi lại (36,8%), nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua sự tương tác đa dạng (28,5%), tăng cường tính linh hoạt trong việc học (27,8%), chỉ có 2,8% sinh viên không thấy có lợi ích nào đáng kể trong phương thức học kết hợp này. Điều này cho thấy sinh viên đánh giá cao sự tiện lợi và linh hoạt của phương thức học kết hợp này, đặc biệt khi học trực tuyến có thể giúp họ tiết kiệm thời gian và công sức di chuyển.

54,7% sinh viên tin rằng khả năng tự học và quản lý thời gian là yếu tố quan trọng nhất, tiếp theo là kỹ năng sử dụng công nghệ và công cụ học trực tuyến (29,6%) để thành công trong học tập theo phương thức dạy học kết hợp. Điều này cho thấy sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của kỹ năng tự học trong phương thức dạy học kết hợp. Sinh viên cũng rất tự tin, tự chủ trong phương thức học tập này khi phương án “Sự hỗ trợ kịp thời từ giảng viên và nhà trường” chỉ có 7,7% sinh viên lựa chọn là yếu tố quan trọng nhất để thành công trong học tập theo phương thức dạy học kết hợp. Tuy nhiên, sinh viên cũng nhận thức được rất rõ vai trò quan trọng nhất của giảng viên trong phương thức dạy học kết hợp là hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trực tiếp và trực tuyến (75,8%). Điều này khẳng định rằng sinh viên mong đợi giảng viên luôn sẵn sàng hỗ trợ họ, không chỉ trong lớp học trực tiếp mà còn trong môi trường trực tuyến.

11. Vai trò quan trọng nhất của giảng viên trong phương thức dạy học kết hợp là gì?

285 câu trả lời



Kết quả khảo sát

Một tín hiệu cho sự thành công của phương thức dạy học tích cực là có tới 66% sinh viên đã có kinh nghiệm tham gia một vài lần các khóa học theo phương thức dạy học kết hợp, 12,2 % sinh viên tham gia thường xuyên. Chỉ có 14,9% sinh viên chưa bao giờ tham gia học bằng phương thức này. Điều này cho thấy mức độ phổ biến của phương thức này trong môi trường giáo dục hiện tại, nhưng vẫn cần mở rộng hơn nữa trong giáo dục đại học để tất cả sinh viên có cơ hội trải nghiệm và nâng cao hiệu quả của giáo dục đại học vì những lợi ích mà phương thức này mang lại. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của đa số sinh viên trong diện

khảo sát khi có 70,7% sinh viên thể hiện mong muốn được học bằng phương thức giảng dạy kết hợp.

Nhận xét chung: Kết quả điều tra cho thấy hiện nay cả giảng viên và sinh viên đã sử dụng thường xuyên Internet trong quá trình dạy và học. Hầu hết giảng viên và sinh viên đã tiếp cận và có thái độ tích cực với phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Một yếu tố thuận lợi khác là sinh viên sẵn sàng và có nguyện vọng tham gia học bằng phương thức này. Đó là những điều kiện thuận lợi để triển khai tổ chức học tập theo mô hình dạy học kết hợp. Vì vậy việc xây dựng bài giảng E -Learning trong học phần triết học Mác – Lênin theo phương thức học tập kết hợp trực tiếp và trực tuyến là cần thiết và khả thi ở trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG BÀI GIẢNG E - LEARNING HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN THEO PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

4.1. Quy trình xây dựng bài giảng E – learning theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến

4.1.1 Xác định mục tiêu dạy học

Mục tiêu phải được diễn đạt bằng một động từ hành động để có thể lượng hóa được mức độ hoàn thành công việc học tập của sinh viên. Qua đó, xác định được sự chuyển biến của sinh viên được thể hiện bằng các hoạt động tự học, tích cực, chủ động chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo và hình thành nhân cách cho sinh viên dưới sự chỉ đạo, tổ chức, điều khiển của giảng viên.

Mục tiêu càng cụ thể thì càng thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả và điều chỉnh hợp lý quá trình dạy – học để từng bước thực hiện mục đích dạy học một

cách vững chắc. Sinh viên thực hiện các mục tiêu này dưới sự chỉ đạo, tổ chức, điều khiển của giảng viên.

Khi viết nội dung kịch bản giảng viên phải xây dựng video bài giảng, các câu hỏi và sưu tầm các hình ảnh, video tư liệu hướng vào mục tiêu. Sinh viên trả lời các câu hỏi bằng việc tự học qua video bài giảng, hình ảnh, video tư liệu để để tự chiếm lĩnh tri thức nhằm đạt mục tiêu đặt ra.

Khi xác định mục tiêu cần quan tâm 3 thành phần:

+ Nêu rõ yêu cầu mà sinh viên cần phải thực hiện. Phần này chứa một động từ chỉ cái đích mà sinh viên phải đạt tới

+ Xác định những điều kiện sinh viên cần có để thực hiện các hoạt động học tập.

+ Xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ đạt mục tiêu của sinh viên. Việc xác định mục tiêu học phần từ đó xác định mục tiêu theo chương/ bài làm cơ sở cho việc phân tích logic nội dung dạy học.

4.1.2 Phân tích logic cấu trúc nội dung dạy học

Phân tích nội dung kiến thức của học phần và từng chương/ bài của học phần để tìm ra kiến thức cơ bản của chương/ bài làm định hướng cho việc sưu tầm và xây dựng tổ hợp đa phương tiện.

Xác định những kiến thức có thể mã hóa thành các dạng câu hỏi và thiết kế thành hệ thống câu hỏi định hướng tìm tòi cho phù hợp với nội dung.

4.1.3 Xây dựng hệ thống các phương tiện dạy học E – learning

- Yêu cầu sự phạm

Sưu tầm và xây dựng hệ thống phương tiện dạy học e- learning gồm tư liệu, hình ảnh, đoạn phim ... tương ứng phù hợp với các nội dung trong chương trình của học phần

- Phương pháp thực hiện

Bước 1: sưu tầm tranh ảnh, sơ đồ, video ... liên quan đến bài học

Bước 2: Chọn lọc các phương tiện dạy học E – learning phù hợp cho từng bài học để thiết kế kịch bản bài giảng đa phương tiện và tạo nguồn tư liệu tham khảo trong phần mềm/ website học trực tuyến.

Bước 3: Biên soạn tài liệu và gia công kỹ thuật các phương tiện dạy học E – learning

4.1.4 Thiết kế kịch bản bài giảng E – learning theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến

* Thiết kế kịch bản giáo án

Thiết kế kịch bản giáo án bằng phần mềm Microsoft Office Word. Bao gồm các mục sau đây:

- Tên bài học
- Mục tiêu bài học: giúp sinh viên xác định được nhiệm vụ của bài học mới
- Khởi động – Tự kiểm tra kiến thức cũ (nếu cần): giúp sinh viên gợi nhớ lại kiến thức cũ đã học nhằm liên kết logic với kiến thức mới
- Nội dung bài học: Cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức mới
- Bài tập kiểm tra – đánh giá kiến thức: câu hỏi trắc nghiệm, bài tập nhằm giúp cho sinh viên tự kiểm tra lại phần kiến thức mà mình đã tự học dựa trên những tài liệu, bài giảng trực tuyến mà giảng viên đã cung cấp
- Bài tập hoàn thành trước khi đến lớp: Bài tập theo yêu cầu của giáo viên để sinh viên chuẩn bị tư liệu, nội dung kiến thức, kỹ năng nhằm phục vụ cho các hoạt động thảo luận, chia sẻ, vận dụng kiến thức vào thực tiễn trong buổi học trực tiếp.

Ngoài ra trong lớp học trực tuyến còn có diễn đàn trực tuyến (sinh viên tự trao đổi bài học với nhau)

* Nhập liệu thông tin từ kịch bản vào các phần mềm và bài giảng trực tuyến

Trong đề tài này chúng tôi thiết kế bài giảng E – learning bằng phần mềm Microsoft Office Word, Power Point, quay video bài giảng và ứng dụng Google Meeting. Bài học được chúng tôi thiết kế thể hiện đầy đủ: tính tương tác, đa phương

tiện, liên kết các đề mục lớn nhỏ trong toàn nội dung bài học. Quy trình xây dựng gồm các bước như sau:

Bước 1. Soạn bài giảng, câu hỏi, bài tập bằng phần mềm Microsoft Office Word

Bước 2. Tạo Power Point, thiết kế các slide

Bước 3. Soạn kịch bản bài giảng quay Video

Bước 4. Quay Video bài giảng (bằng phần mềm Power Point, Zoom, Phòng quay, v.v)

Bước 5. Xuất bản bài giảng trên ứng dụng Google Class, LMS, ...

Mỗi bài giảng trong lớp học trực tuyến đều được thiết kế bao gồm: bài giảng dạng text, bài giảng Power Point, câu hỏi tự kiểm tra và các tài nguyên học tập khác (nếu có)

* Cách thức sử dụng mô hình dạy học kết hợp trực tuyến – trực tiếp

A. Tự học trực tuyến	B. Học trực tiếp
B1. Nghiên cứu mục tiêu bài học	B1. Kiểm tra bài cũ (nếu cần thiết)
B2. Xử lý thông tin học tập	B2. Tổng kết kết quả tự học trực tuyến
B3. Tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập	B3. Trao đổi, vấn đáp, thảo luận nội dung liên quan đến bài học
B4. Tự củng cố, hoàn thiện kiến thức	B4. Tiểu kết, chính xác hóa kiến thức
B5. Hoàn thành bài tập trước khi đến lớp	B5. Liên hệ, vận dụng kiến thức
	B6. Giao và hướng dẫn cách học bài sau

- Giai đoạn tự học trực tuyến

+ Bước 1: Nghiên cứu mục tiêu bài học

Đây là nội dung cơ bản, quan trọng trong hoạt động học tập của sinh viên, nó giúp cho quá trình học tập của sinh viên có định hướng. Nghiên cứu mục tiêu bài học là công việc đwoej tiến hành ngay khi sinh viên bắt đầu học mỗi chương/ bài của học phần. Mục tiêu của bài học là kết quả về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên cần đạt được sau khi học xong bài học đó. Việc xác định đúng

mục tiêu bài học sẽ giúp cho sinh viên lựa chọn đúng hình thức, phương pháp, phương tiện, cách thức dạy – học để đạt được mục tiêu đã đề ra và cũng là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

+ Bước 2. Xử lý thông tin học tập

Dựa vào các tài nguyên được cung cấp, sinh viên xử lý thông tin học tập thông qua các hoạt động sau:

Định hướng hoạt động học tập: Các nội dung kiến thức mới cần lĩnh hội giảng viên đã thiết kế thành tổ hợp đa phương tiện gồm: các bài giảng, video, slide, hình ảnh, ... kết hợp với các câu hỏi, bài tập để sinh viên tìm ra câu trả lời. Sinh viên phải đọc hiểu câu hỏi để tự định hướng hoạt động học.

Tự học: sinh viên tự thao tác trên các tổ hợp đa phương tiện để tìm câu trả lời và tự chiếm lĩnh tri thức mới. Bước này đối với sinh viên là hết sức quan trọng để phát triển tính tự giác, tích cực, độc lập trong học tập. Ở bước này sinh viên làm việc với tất cả các kênh, cả kênh chữ và kênh hình để tự chiếm lĩnh kiến thức mới, qua đó hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất.

Bước 3. Tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Tự kiểm tra, đánh giá là một khâu rất quan trọng trong quá trình tự học trực tuyến. Thông qua kiểm tra, sinh viên tự đánh giá được năng lực tự học trực tuyến của mình, đồng thời sinh viên nhận ra được những hạn chế trong năng lực tự học từ đó tìm ra những biện pháp khắc phục, điều chỉnh hoạt động tự học để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Trong quá trình tự học trực tuyến, sinh viên được trao đổi với nhau ở phần thảo luận bài học (trong website/ ứng dụng/ nhóm lớp). Đây là cách thu nhận và phản hồi thông tin hữu ích, sinh viên trao đổi với nhau về bài học và đưa ra và đưa ra những câu hỏi thắc mắc. Từ đó giáo viên sẽ tổng hợp thắc mắc thành các vấn đề của lớp để tổ chức thảo luận và giải đáp trong gian đoạn học trực tiếp.

Bước 4. Tự củng cố, hoàn thiện kiến thức

Sinh viên căn cứ vào kết quả tự kiểm tra của mình để nhận ra những chỗ chưa đạt được về kiến thức trong bài học, từ đó sinh viên tự rà soát lại quy trình tự học, tài

nguyên được cung cấp và có thể tìm tòi thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhằm bổ sung thêm kiến thức cho mình.

Bước 5. Hoàn thành bài tập trước khi đến lớp

Khi học sinh đã làm bài tập trước khi đến lớp, giảng viên có thể dễ dàng tạo ra các hoạt động thảo luận để sinh viên tương tác, trao đổi với nhau, với giảng viên. Điều này tạo ra môi trường học tập tích cực và thú vị. Giảng viên cũng có thể tập trung vào việc mở rộng kiến thức, liên hệ hoặc vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Giai đoạn học trực tiếp

Bước 1: Kiểm tra bài cũ (nếu cần thiết)

Giảng viên có thể kiểm tra kiến thức cũ có liên quan tới việc tiếp thu kiến thức mới

Bước 2: Tổng kết kết quả tự học trực tuyến

Về tính chuyên cần: Giảng viên tổng kết thời gian tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên thông qua tính năng tự quản của website. Từ đó có nhận xét, khuyến khích động viên hay nhắc nhở kịp thời đối với sinh viên

Về kết quả học tập: giảng viên tổng kết kết quả làm bài tự kiểm tra (trắc nghiệm), tổng hợp tập trung vào những thắc mắc đã nêu trong giai đoạn tự học trực tuyến và ghi nhận những ý kiến thắc mắc mới.

Bước 3: Trao đổi, vấn đáp, thảo luận nội dung liên quan đến bài học

ở giai đoạn học tập trực tiếp, giảng viên đóng vai trò điều khiển, trọng tài, cố vấn để tổ chức cho sinh viên thảo luận các nội dung thắc mắc của sinh viên đã đưa ra trong giai đoạn tự học trực tuyến.

Bước 4: Tiểu kết, chính xác hóa kiến thức

Sau bước thảo luận, giảng viên tổ chức cho sinh viên kết luận, chính xác hóa kiến thức trọng tâm của bài. Nếu sau khi thảo luận, đã có câu trả lời chính xác nội dung khoa học thì giáo viên kết luận, chính xác hóa kiến thức. Nếu lớp có các ý kiến chưa thống nhất thì giảng viên phải phân tích những nội dung chưa đúng, sau đó kết luận, chính xác hóa kiến thức. Như vậy, kiến thức giảng viên chính xác hóa không

phải là kiến thức áp đặt từ giảng viên, vì nó là kiến thức sinh viên tự lĩnh hội được thông qua tự học trực tuyến và thảo luận trực tiếp.

Bước 5: Liên hệ, vận dụng kiến thức

Giảng viên thiết kế các tình huống, các vấn đề thực tiễn để liên hệ, vận dụng, đồng thời, hướng dẫn sinh viên từng bước vận dụng lý luận đã học vào các vấn đề thực tiễn cụ thể. Khuyến khích sinh viên đưa ra các vấn đề thực tiễn tương tự để vận dụng.

Bước 6: Giao và hướng dẫn cách học bài sau

Giảng viên nhắc lại nội dung giao việc và hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung học trực tuyến và biết được thứ tự các bước khi tham gia tự học trực tuyến.

4.2. Thiết kế bài giảng E - learning học phần Triết học Mác Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trong đề tài này, chúng tôi lựa chọn nội dung Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức trong phần I. Vật chất và ý thức thuộc chương II học phần triết học Mác – Lênin để thiết kế bài giảng E – Learning. Theo chúng tôi, nội dung này đáp ứng được yêu cầu về tính vừa sức, phù hợp với trình độ nhận thức của người học, nội dung không quá trừu tượng và phức tạp. Bài giảng E – Learning này bao gồm: Bài giảng dạng text, bài giảng Power point, Video và câu hỏi tự kiểm tra.

4.2.1. Bài giảng dạng text

Bài: NGUỒN GỐC, BẢN CHẤT VÀ KẾT CẤU CỦA Ý THỨC

A – MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

2. Về kỹ năng:

Góp phần ứng cố kỹ năng tự học, phản biện, thuyết trình; rèn luyện tư duy khoa học và logic

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chủ động và có trách nhiệm trong việc tự học, tham gia vào bài giảng, thảo luận và phản biện các vấn đề có liên quan tới bài học;

B – NỘI DUNG

1. Học trực tuyến

a. Các quan niệm về nguồn gốc của ý thức

- Quan điểm của CNĐT: CNĐT cho rằng ý thức là cái có trước, vật chất là cái có sau, ý thức quyết định vật chất. Xuất phát từ quan niệm như vậy nên trong quan niệm về nguồn gốc của ý thức, CNĐT cho rằng ý thức là bản thể đầu tiên, tồn tại vĩnh viễn, là nguyên nhân sinh thành, chi phối sự tồn tại, biến đổi của toàn bộ thế giới vật chất.

- Quan điểm của CNDVSH: CNDV cho rằng vật chất có trước và quyết định ý thức vì vậy, khi kiến giải nguồn gốc của ý thức, CNDVSH đã đồng nhất ý thức với vật chất. Họ coi ý thức cũng chỉ là một dạng vật chất đặc biệt, do vật chất sản sinh ra.

Cả quan niệm của CNĐT và CNDVSH đều là những quan điểm không đúng đắn về nguồn gốc của ý thức. Những hạn chế của các trường phái triết học này về nguồn gốc của ý thức sẽ được khắc phục trong CNDVBC.

Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức của con người là sản phẩm của quá trình phát triển của cả tự nhiên và xã hội, hay nói cách khác, ý thức xuất phát từ 2 yếu tố là nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội.

- Thứ nhất, nguồn gốc tự nhiên của ý thức

Nguồn gốc tự nhiên của ý thức gồm có hai yếu tố là bộ não sống của con người và hiện thực khách quan. Trong đó bộ não sống của con người là cơ quan phản ánh còn hiện thực khách quan là đối tượng phản ánh. Bộ não người là một cấu trúc vật chất nhưng là cấu trúc vật chất đặc biệt, là sản phẩm cao nhất trong chính quá trình tiến hóa của giới tự nhiên. Trái đất hình thành trải qua quá trình tiến hoá lâu dài dẫn đến sự xuất hiện và phát triển của con người. Đó cũng là lịch sử phát triển năng lực phản ánh của thế giới vật chất từ thấp đến cao và cao nhất là ý thức.

Phản ánh là gì? *Phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của hệ thống vật chất này ở hệ thống vật chất khác trong quá trình tác động qua lại giữa chúng.*

Phản ánh là thuộc tính chung của mọi dạng vật chất. Thuộc tính phản ánh của vật chất có quá trình vận động và phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp gắn với những dạng vật chất khác nhau:

Giới tự nhiên vô sinh mới dừng lại ở *Phản ánh vật lý, hoá học*. Đây là trình độ phản ánh mang tính thụ động, chưa có sự định hướng, lựa chọn.

Giới tự nhiên hữu sinh có đặc trưng là *Phản ánh sinh học*. Trình độ phản ánh sinh học của các cơ thể sống cũng bao gồm nhiều hình thức khác nhau từ thấp đến cao, biểu hiện đơn giản nhất là sự kích thích, cảm ứng ở thực vật và động vật bậc thấp; là sự *phản xạ* ở động vật có hệ thần kinh; là phản ánh tâm lý ở động vật bậc cao có bộ óc. Tuy nhiên, tâm lý động vật chưa phải là ý thức, mà đó vẫn là trình độ phản ánh mang tính bản năng của các loài động vật bậc cao, xuất phát từ nhu cầu sinh lý tự nhiên, trực tiếp của cơ thể động vật chi phối. Vậy ý thức có ở đâu?

Ý thức là hình thức phản ánh đặc trưng chỉ có ở con người và là hình thức phản ánh cao nhất của thế giới hiện thực.

Bộ não người là cơ quan phản ánh, hiện thực khách quan là đối tượng phản ánh. Tuy nhiên, không phải cứ có bộ não người và hiện thực khách quan thì ý thức sẽ được sản sinh ra, mà cần phải có sự tương tác giữa bộ não người với thế giới khách quan, đó chính là sự kết nối giữa cơ quan phản ánh với đối tượng phản ánh.

Sự xuất hiện con người và hình thành bộ óc của con người có năng lực phản ánh hiện thực khách quan chính là Nguồn gốc tự nhiên của ý thức

Thứ hai, nguồn gốc xã hội của ý thức

Mối quan hệ tương tác giữa con người với thế giới khách quan chính là lao động, đây là một hoạt động chỉ có ở con người. Lao động là một yếu tố thuộc về nguồn gốc xã hội trong quá trình hình thành ý thức.

Lao động là quá trình con người sử dụng công cụ tác động vào các đối tượng của giới tự nhiên, nhằm thay đổi chúng cho phù hợp với nhu cầu của con người.

Trong quá trình lao động, con người tác động vào thế giới khách quan, làm thế giới khách quan bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của nó, biểu hiện thành các hiện tượng nhất định, nhờ đó con người đã tạo ra của cải vật chất và cũng nhờ có lao động mà loài người đã được hình thành và phát triển.

Quá trình lao động đã tác động vào các giác quan và bộ óc của con người; thông qua hoạt động của bộ não con người, dần dần hình thành nên những tri thức về tự nhiên và xã hội, nhờ đó mà các giác quan của con người được hoàn thiện và con người cũng nhận dạng và phân loại được thông tin.

Mặt khác, nhờ có lao động mà con người tách ra khỏi giới động vật. Thông qua hoạt động lao động nhằm cải tạo thế giới khách quan mà con người có thể phản ánh được thế giới khách quan, mới có ý thức về thế giới đó, đó chính là sự sáng tạo hiện thực khách quan của con người.

Trong quá trình lao động mang tính xã hội, con người nảy sinh nhu cầu giao tiếp, trao đổi thông tin, kinh nghiệm. Ngôn ngữ ra đời từ đó. Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất mang nội dung ý thức. Không có ngôn ngữ, ý thức không thể hình thành và phát triển được. Nhờ có ngôn ngữ mà con người có thể giao tiếp trao đổi tư tưởng, lưu giữ, kế thừa những tri thức, kinh nghiệm phong phú của xã hội đã tích lũy được qua các thế hệ, thời kỳ lịch sử.

Cũng nhờ có ngôn ngữ mà con người có thể khái quát, trừu tượng hoá, suy nghĩ độc lập, tách khỏi sự vật cảm tính.

Như vậy, lao động và ngôn ngữ là hai yếu tố kích thích chủ yếu làm chuyển biến dần bộ óc của loài vượn người thành bộ óc con người và tâm lý động vật thành ý thức con người.

Tóm lại, nguồn gốc tự nhiên là điều kiện cần, còn nguồn gốc xã hội là điều kiện đủ để ý thức hình thành, tồn tại và phát triển. Nghiên cứu nguồn gốc của ý thức cũng là một cách tiếp cận để hiểu rõ bản chất của ý thức, khẳng định bản chất xã hội của ý thức.

b. Bản chất của ý thức

Khắc phục những hạn chế đã cường điệu vai trò của ý thức một cách thái quá, trừu tượng tới mức thoát ly đời sống hiện thực, biến nó thành một thực thể tồn tại độc lập, thực tại duy nhất và nguồn gốc sinh ra thế giới vật chất trong CNDT về bản chất của ý thức, cũng như không đồng tình với quan điểm của CNDVSH đã tầm thường hoá vai trò của ý thức, coi ý thức cũng chỉ là một dạng vật chất; hoặc coi ý thức chỉ là sự phản ánh giản đơn, thụ động thế giới vật chất, tách rời thực tiễn xã hội, CNDVBC đã xuất phát từ mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức mà chủ yếu là đời sống hiện thực có tính thực tiễn của con người.

CNDVBC cho rằng: *Bản chất ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan của óc người.*

Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan nghĩa là ý thức chỉ là “hình ảnh” về hiện thực khách quan ở trong bộ óc người. Đây là đặc tính đầu tiên để chúng ta nhận biết về ý thức. Đối với con người, cả ý thức và vật chất đều là hiện thực, nghĩa là chúng đều tồn tại thực. Nhưng vật chất là hiện thực khách quan; còn ý thức là hiện thực chủ quan. Ý thức là cái phản ánh thế giới khách quan, ý thức không phải là sự vật, mà chỉ là “hình ảnh” của sự vật ở trong bộ óc người. Thế giới khách quan là nguyên bản, là tính thứ nhất. Còn ý thức chỉ là bản sao, là “hình ảnh” về thế giới đó, là tính thứ hai. Đây là căn cứ quan trọng nhất để khẳng định thế giới quan duy vật biện chứng, phê phán chủ nghĩa duy tâm và duy vật siêu hình trong quan niệm về bản chất của ý thức.

Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Nghĩa là Ý thức là cái vật chất ở bên ngoài được “di chuyển” vào trong đầu óc của con người và được cải biến đi ở trong đó. Vì vậy, kết quả phản ánh của ý thức tùy thuộc vào nhiều yếu tố: như đối tượng phản ánh, điều kiện lịch sử - xã hội, phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm sống của chủ thể phản ánh. Cùng một đối tượng phản ánh nhưng với các chủ thể phản ánh khác nhau, có đặc điểm tâm lý, tri thức, kinh nghiệm, thể chất khác nhau, trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau... thì kết quả phản ánh đối tượng trong ý thức cũng rất khác nhau.

Ý thức có đặc tính *tích cực, sáng tạo* gắn bó chặt chẽ với thực tiễn xã hội. Đây là một đặc tính căn bản để phân biệt trình độ phản ánh ý thức của con người với trình độ phản ánh tâm lý động vật.

Ý thức không phải là kết quả của sự phản ánh ngẫu nhiên, đơn lẻ, thụ động thể giới khách quan mà phản ánh ngày càng sâu sắc, xâm nhập vào các tầng bản chất, quy luật để đem lại hiệu quả trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở đó, bằng những thao tác của tư duy trừu tượng đem lại những tri thức mới để chỉ đạo hoạt động thực tiễn chủ động cải tạo thế giới trong hiện thực, sáng tạo ra “thiên nhiên thứ hai”. Như vậy, *sáng tạo là đặc trưng bản chất nhất của ý thức.*

Ý thức phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người, song đây là sự phản ánh đặc biệt, gắn liền với thực tiễn sinh động cải tạo thế giới khách quan theo nhu cầu của con người. Sự phản ánh ý thức là quá trình thống nhất của ba mặt: *Một là*, trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng phản ánh. Đây là quá trình mang tính hai chiều, có định hướng và chọn lọc các thông tin cần thiết. *Hai là*, mô hình hoá đối tượng trong tư duy dưới dạng hình ảnh tinh thần. Thực chất đây là quá trình “sáng tạo lại” hiện thực của ý thức theo nghĩa: mã hoá các đối tượng vật chất thành các ý tưởng tinh thần phi vật chất. *Ba là*, chuyển hoá mô hình từ tư duy ra hiện thực khách quan, tức quá trình hiện thực hoá tư tưởng, thông qua hoạt động thực tiễn biến cái quan niệm thành cái thực tại, biến các ý tưởng phi vật chất trong tư duy thành các dạng vật chất ngoài hiện thực. Phản ánh và sáng tạo là hai mặt thuộc bản chất của ý thức.

Từ kết quả nghiên cứu nguồn gốc và bản chất của ý thức cho thấy: *Ý thức là hình thức phản ánh cao nhất riêng có của óc người về hiện thực khách quan trên cơ sở thực tiễn xã hội - lịch sử.*

c. Kết cấu của ý thức

Thứ nhất, theo các lớp cấu trúc của ý thức gồm: Tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí...; trong đó *tri thức* là nhân tố cơ bản, cốt lõi nhất. Muốn cải tạo được sự vật, trước hết con người phải có sự hiểu biết sâu sắc về sự vật đó. Do đó, nội dung và phương thức tồn tại cơ bản của ý thức phải là tri thức.

Tình cảm là một hình thái đặc biệt của sự phản ánh tồn tại, nó phản ánh quan hệ giữa người với người và quan hệ giữa người với thế giới khách quan. Tình cảm tham gia và trở thành một trong những động lực quan trọng của hoạt động con người.

Sự hoà quyện giữa tri thức với tình cảm và trải nghiệm thực tiễn đã tạo nên niềm tin thôi thúc con người hoạt động vươn lên trong mọi hoàn cảnh.

Nhận thức không phải là một quá trình dễ dàng, phẳng lặng mà là một quá trình phản ánh với những khó khăn, gian khổ thường gặp phải trên mỗi bước đường đi tới chân lý. Muốn vượt qua khó khăn để đạt tới mục đích, chủ thể nhận thức phải có *ý chí, quyết tâm* cao. Nhận rõ vị trí, vai trò của các nhân tố cấu thành ý thức và mối quan hệ giữa các yếu tố đó, đòi hỏi mỗi chủ thể phải luôn tích cực học tập, rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí trong nhận thức và cải tạo thế giới.

Thứ hai, theo các cấp độ của ý thức, gồm: Tự ý thức, tiềm thức, vô thức... .

Tự ý thức là ý thức hướng về nhận thức bản thân mình trong mối quan hệ với ý thức về thế giới bên ngoài. Đây là một thành tố rất quan trọng của ý thức, đánh dấu trình độ phát triển của ý thức; tự đánh giá năng lực và trình độ hiểu biết của bản thân về thế giới, cũng như các quan điểm, tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng, hành vi, đạo đức và lợi ích của mình. Qua đó, con người xác định đúng vị trí, điểm mạnh, điểm yếu của mình; luôn làm chủ bản thân, chủ động điều chỉnh hành vi của mình trong tác động qua lại với thế giới khách quan.

Tiềm thức là những hoạt động tâm lý diễn ra bên ngoài sự kiểm soát của ý thức. Về thực chất, tiềm thức là những tri thức mà chủ thể đã có được từ trước nhưng đã gần như thành bản năng, thành kỹ năng nằm trong tầng sâu ý thức của chủ thể, là ý thức dưới dạng tiềm tàng. Do đó, tiềm thức có thể tự động gây ra các hoạt động tâm lý và nhận thức mà chủ thể không cần kiểm soát chúng một cách trực tiếp. Tiềm thức có vai trò quan trọng trong đời sống và tư duy khoa học.

Vô thức là những trạng thái tâm lý ở tầng sâu điều chỉnh sự suy nghĩ, hành vi, thái độ ứng xử của con người mà chưa có sự can thiệp của lý trí.

Nghiên cứu những hiện tượng vô thức giúp cho con người luôn làm chủ đời

sống nội tâm, có phương pháp kiểm chế đúng quy luật những trạng thái ức chế của tinh thần.

2. Học trực tiếp

**Vấn đề “trí tuệ nhân tạo”*. Ngày nay trí tuệ nhân tạo đã từng bước được đưa vào trong cuộc sống. Nó không những có khả năng thay thế lao động cơ bắp, mà còn có thể thay thế cho một phần lao động trí óc của con người. Song điều đó không có nghĩa là máy móc cũng có ý thức như con người. Ý thức và máy tính điện tử là hai quá trình khác nhau về bản chất. “Người máy thông minh” thực ra chỉ là một quá trình vật lý. Hệ thống thao tác của nó đã được con người lập trình phỏng theo một số thao tác của tư duy con người. Máy móc chỉ là những kết cấu kỹ thuật do con người sáng tạo ra. Còn con người là một thực thể xã hội năng động được hình thành trong tiến trình lịch sử tiến hóa lâu dài của giới tự nhiên và thực tiễn xã hội. Máy không thể sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần trong bản thân nó. Năng lực đó chỉ có con người có ý thức mới thực hiện được và qua đó lập trình cho máy móc thực hiện. Sự phản ánh sáng tạo, tái tạo lại hiện thực chỉ có ở ý thức của con người với tư cách là một thực thể xã hội, hoạt động cải tạo thế giới khách quan. Ý thức mang bản chất xã hội. Do vậy, dù máy móc có hiện đại đến đâu chăng nữa cũng không thể hoàn thiện được như bộ óc con người.

* Nội dung thảo luận: Hoạt động của ý thức và trí tuệ nhân tạo có giống nhau không?

	Ý thức	Trí tuệ nhân tạo
Cách thức xử lý thông tin	Con người xử lý thông tin dựa trên trải nghiệm cá nhân, cảm xúc, kiến thức và lý trí. Ý thức có khả năng học hỏi từ kinh nghiệm và tự điều chỉnh hành vi theo những yếu	Trí tuệ nhân tạo xử lý thông tin dựa trên các thuật toán và dữ liệu được cung cấp. Trí tuệ nhân tạo không có khả năng cảm nhận hay ý thức về những gì nó làm, mà chỉ thực hiện các hành động theo cách được lập trình. Việc học của trí tuệ nhân tạo phụ thuộc vào dữ liệu huấn luyện và

	tổ xã hội, văn hóa và cá nhân.	mô hình toán học, như trong các hệ thống học máy.
Tính linh hoạt	Con người có khả năng sáng tạo, suy nghĩ trừu tượng, phán đoán đạo đức và ra quyết định trong những tình huống không rõ ràng. Ý thức con người linh hoạt và có thể thích ứng nhanh với những thay đổi không dự đoán trước.	Trí tuệ nhận tạo hoạt động trong phạm vi đã định sẵn. Mặc dù Trí tuệ nhận tạo có thể học hỏi từ dữ liệu và thực hiện các nhiệm vụ phức tạp, nó thiếu khả năng sáng tạo, không thể có trực giác và không thể tự điều chỉnh hành vi ngoài phạm vi những gì đã được lập trình.
Khả năng tự nhận thức	Con người có khả năng tự nhận thức, hiểu về bản thân, biết mình đang tồn tại và có trách nhiệm về hành động của mình.	Trí tuệ nhận tạo không có tự nhận thức. Mặc dù có thể thực hiện các nhiệm vụ như hiểu ngôn ngữ tự nhiên hoặc chơi trò chơi, Trí tuệ nhận tạo không có ý thức về bản thân hay về những gì nó đang làm.

***Liên hệ, vận dụng kiến thức**

1. Điều 21 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Anh chị hãy giải thích tại sao luật lại quy định như vậy?

Trả lời: Vì người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thường không thể nhận thức rõ ràng hành động của mình là sai trái hoặc nguy hiểm - tức là họ không có ý thức bình thường). Họ không có khả

năng kiểm soát hành vi, không phân biệt đúng sai, do đó không thể chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý.

2. Hoạt động xây tổ của loài chim hay loài ong có phải là lao động không?

Trả lời

Hoạt động xây tổ của loài chim hay loài ong không được coi là lao động theo nghĩa mà con người hiểu trong các khái niệm xã hội học và kinh tế học và triết học Mác - Lênin. Điều này xuất phát từ sự khác biệt cơ bản giữa lao động của con người và hành vi bản năng của động vật.

- Lao động của con người

+ Khái niệm lao động: Lao động của con người là hoạt động có mục đích, ý thức, nhằm tạo ra của cải vật chất hoặc giá trị tinh thần để phục vụ cho nhu cầu của xã hội. Lao động yêu cầu sự sáng tạo, kỹ năng, và sự điều chỉnh linh hoạt theo hoàn cảnh.

+ Tính ý thức: Lao động là một quá trình có ý thức, con người suy nghĩ, lập kế hoạch, tính toán và điều chỉnh các hoạt động lao động để đạt được mục tiêu.

+ Sản phẩm lao động: Con người lao động để tạo ra những sản phẩm mang tính xã hội, đáp ứng nhu cầu và cải thiện điều kiện sống. Các sản phẩm này không chỉ có giá trị vật chất mà còn có giá trị văn hóa, xã hội và tinh thần.

- Hành vi bản năng của loài chim và loài ong

+ Bản năng tự nhiên: Hoạt động xây tổ của loài chim hay loài ong là hành vi xuất phát từ bản năng tự nhiên, được lập trình sẵn qua quá trình tiến hóa. Những loài này không có khả năng nhận thức về quá trình hoặc mục đích sâu xa của hành động mà chỉ thực hiện theo các mã di truyền để sinh tồn và duy trì giống loài.

+ Thiếu tính sáng tạo và ý thức: Các loài chim hay ong không có ý thức hay sự sáng tạo trong quá trình xây tổ. Chúng không suy nghĩ, lập kế hoạch hay điều chỉnh hành vi dựa trên hoàn cảnh thay đổi như con người. Tổ ong hay tổ chim đều được xây dựng theo các mô hình cố định, không thay đổi nhiều qua các thế hệ.

+ Không sản phẩm mang tính xã hội: Hoạt động xây tổ không nhằm tạo ra sản phẩm cho xã hội hoặc cộng đồng, mà chỉ đơn thuần phục vụ cho mục đích sinh tồn của cá thể hoặc bầy đàn.

Tóm lại, triết học Mác-Lênin khẳng định rằng lao động là đặc trưng cơ bản để phân biệt con người với loài vật. Theo quan điểm này, chỉ con người mới có khả năng lao động một cách có ý thức, thay đổi thế giới tự nhiên để phục vụ cho nhu cầu phát triển xã hội. Lao động của con người không chỉ mang tính sinh tồn mà còn hướng tới mục tiêu phát triển, sáng tạo ra các giá trị mới. Động vật hành động theo bản năng chứ không phải bằng trí tuệ và sự sáng tạo, vì vậy, hoạt động của chúng không thể được coi là lao động.

4.2.2 Bài giảng Power Point



NGUỒN GỐC, BẢN CHẤT VÀ KẾT CẤU CỦA Ý THỨC

Phạm trù ý thức

Nguồn gốc
của ý thức

Bản chất
của ý thức

Kết cấu
của ý thức

a) Các quan niệm về nguồn gốc của ý thức

CNDT

Ý thức là bản thể đầu tiên, tồn tại vĩnh viễn, là nguyên nhân sinh thành, chi phối sự tồn tại, biến đổi của toàn bộ thế giới vật chất

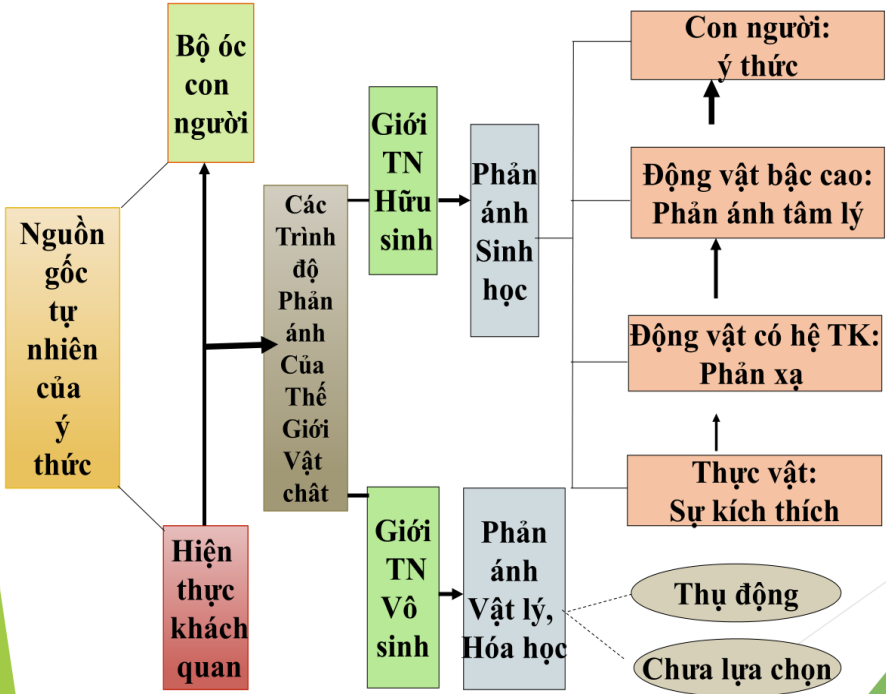
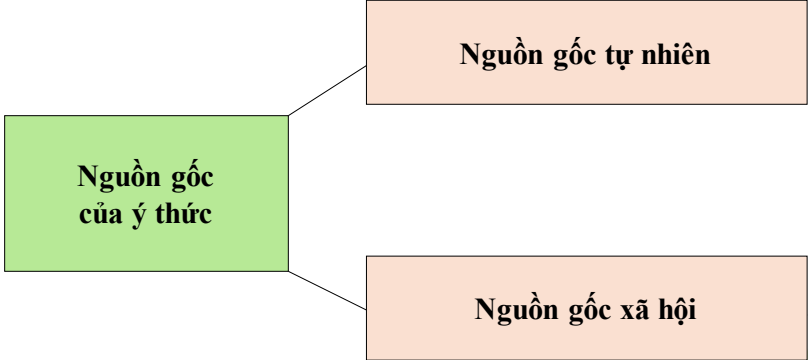
CNDVSH

Ý thức là một dạng vật chất đặc biệt, do vật chất sản sinh ra.

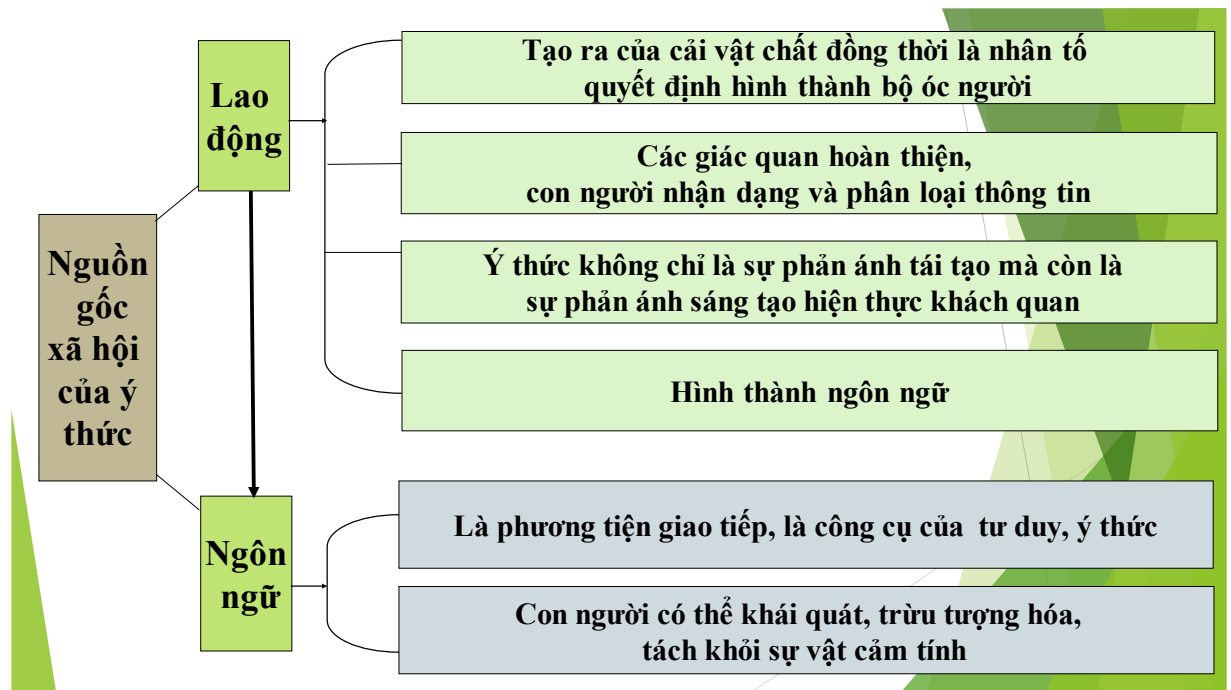
CNDVBC

Ý thức xuất hiện là kết quả của quá trình tiến hoá lâu dài của giới tự nhiên, của lịch sử trái đất, đồng thời là kết quả trực tiếp của thực tiễn xã hội - lịch sử của con người

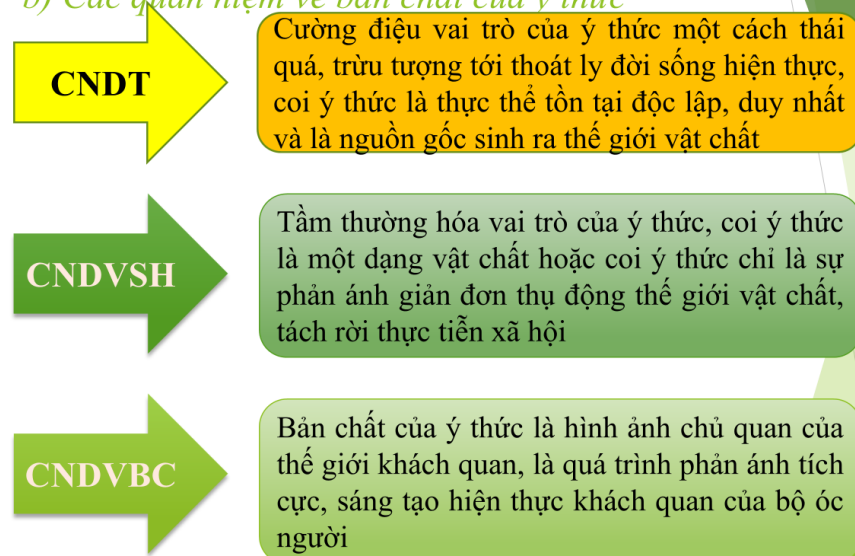
Nguồn gốc của ý thức theo quan điểm của CNDVBC



Sự xuất hiện con người và hình thành bộ óc của con người có năng lực phản ánh hiện thực khách quan => Nguồn gốc tự nhiên của ý thức



b) Các quan niệm về bản chất của ý thức





Ý THỨC LÀ GÌ?

Ý thức là hình thức phản ánh cao nhất riêng có của óc người về hiện thực khách quan trên cơ sở thực tiễn xã hội – lịch sử

c) Kết cấu của ý thức



Các lớp cấu trúc của ý thức

Tri thức	<ul style="list-style-type: none">• Là nội dung và phương thức tồn tại của ý thức
Tình cảm	<ul style="list-style-type: none">• Là một hình thái đặc biệt của sự phản ánh tồn tại, phản ánh quan hệ giữa người với người và quan hệ giữa người với thế giới khách quan
Niềm tin	<ul style="list-style-type: none">• Sự kết hợp giữa tri thức với tình cảm và trải nghiệm thực tiễn
Ý chí	<ul style="list-style-type: none">• Là những cố gắng, nỗ lực, khả năng huy động mọi tiềm năng trong mỗi con người vào hoạt động để có thể vượt qua mọi trở ngại, đạt mục đích đề ra

Các cấp độ của ý thức

Tự ý thức

- Là ý thức hướng về nhận thức của bản thân mình trong mối quan hệ với ý thức về thế giới bên ngoài

Tiềm thức

- Là những hoạt động tâm lý diễn ra bên ngoài sự kiểm soát của ý thức, là tri thức mà chủ thể có từ trước gần như đã thành bản năng, kỹ năng nằm trong tầng sâu ý thức của chủ thể, là ý thức dưới dạng tiềm tàng

Vô thức

- Là những hiện tượng tâm lý không phải do lý trí điều khiển, nằm ngoài phạm vi của lý trí mà ý thức không kiểm soát được trong một lúc nào đó

Vấn đề trí tuệ nhân tạo

Thảo luận: Hoạt động của ý thức và trí tuệ nhân tạo có giống nhau không?

4.2.3. Câu hỏi tự kiểm tra

CÂU HỎI TỰ KIỂM TRA

Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

Anh (Chị) hãy tích (x) vào những lựa chọn mà anh (chị) cho là phù hợp trong các câu dưới đây.

1. Trường phái triết học nào đã đồng nhất ý thức với vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

2. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức ra đời từ những nguồn gốc nào?

- a. Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội
- b. Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lý
- c. Nguồn gốc lịch sử và nguồn gốc nhận thức
- d. Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc tâm lý

3. Nguồn gốc tự nhiên của ý thức bao gồm những yếu tố nào?

- a. Bộ não người và các cơ quan giác quan của con người
- b. Bộ não người và hiện thực khách quan
- c. Các cơ quan giác quan của con người và đời sống xã hội
- d. Các cơ quan giác quan của con người và hiện thực khách quan

4. Điền từ vào chỗ trống: “Bộ não người là ...(1) ... phản ánh còn hiện thực khách quan là ...(2..). phản ánh?”

- a. (1) – đối tượng, (2) – kết quả
- b. (1) – cơ quan, (2) – đối tượng
- c. (1) – cơ quan, (2) – kết quả
- d. (1) – khách thể, (2) – kết quả

5. Ý thức tồn tại ở loài động vật nào?

- a. Động vật bậc cao
- b. Động vật có hệ thần kinh
- c. Con người
- d. Động vật bậc cao và con người

6. Nguồn gốc xã hội của ý thức bao gồm những yếu tố nào?

- a. Lao động và ngôn ngữ
- b. Lao động và công cụ lao động
- c. Ngôn ngữ và tri thức
- d. Tri thức và công cụ lao động

7. Điền từ vào chỗ trống: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, bản chất ý thức là của thế giới khách quan, là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan của óc người

- a. Sự vật khách quan
- b. Hình ảnh khách quan
- c. Hình ảnh chủ quan
- d. Tri thức chủ quan

8. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đặc trưng bản chất nhất của ý thức là gì?

- a. Phản ánh hiện thực chủ quan
- b. Phản ánh hiện thực khách quan
- c. Sáng tạo hiện thực chủ quan
- d. Sáng tạo hiện thực khách quan

9. Điền từ vào chỗ trống: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức là hình thức riêng có của óc người về hiện thực khách quan trên cơ sở thực tiễn xã hội – lịch sử

- a. Phản ánh kích thích
- b. Phản ánh phản xạ
- c. Phản ánh cao nhất
- d. Phản ánh tâm lý

10. Điền từ vào chỗ trống: trong các lớp cấu trúc của ý thức, là yếu tố cơ bản, cốt lõi nhất.

- a. Tri thức
- b. Tình cảm

c. Niềm tin

d. Ý chí

4.2.4. Video bài giảng

<https://drive.google.com/drive/u/0/my-drive>

4.2.5 Tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào Quyết định 3391 ngày 30 tháng 7 năm 2024 v/v ban hành hướng dẫn đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra đối với các học phần và chương trình đào tạo của người học tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Đánh giá kiến thức:

Điểm A: Giỏi	Điểm B: Khá	Điểm C: Trung bình	Điểm D: Yếu	Điểm F: Kém
8.5-10	7.0 - 8.4	5.5 – 6.9	4.0 – 5.4	Dưới 4.0

Đánh giá kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thuyết trình, bảo vệ <i>Hoặc</i> Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có	Phân trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian	Phân trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời	Phân trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu	50

nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu
---	---	---	--	---

					hỏi phản biện rất hay	
Mức độ tham gia thảo luận và chuẩn bị nội dung thảo luận	Mức độ tham gia vào việc thảo luận, hợp tác với lớp rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị nội dung thảo luận	Mức độ tham gia vào việc thảo luận hợp tác với lớp thấp; Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị nội dung thảo luận ở mức rất thấp	Mức độ tham gia vào việc thảo luận, hợp tác với lớp trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị nội dung thảo luận ở mức trung bình	Mức độ tham gia vào việc thảo luận của lớp, hợp tác với lớp tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuẩn bị nội dung thảo luận	Mức độ tham gia vào việc thảo luận của lớp, hợp tác với lớp rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuẩn bị nội dung thảo luận	50

**CHƯƠNG 5: THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM BÀI GIẢNG E -
LEARNING HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN THEO PHƯƠNG
THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

5.1 Mục đích, nội dung và phương pháp thực nghiệm

5.1.1 Mục đích thực nghiệm

Nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của bài giảng E – learning trong học phần triết học Mác – Lênin theo phương thức học tập kết hợp trực tuyến và trực tiếp tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5.1.2 Nội dung thực nghiệm

- Thực nghiệm bài giảng: Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức trong phần Vật chất và ý thức thuộc chương 2 học phần triết học Mác – Lênin trong chương trình đào tạo đại học chính quy cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Công cụ đo lường: gồm bộ câu hỏi tự kiểm tra, câu hỏi thảo luận và các câu hỏi liên hệ vận dụng

5.1.3 Phương pháp thực nghiệm

Đối tượng nghiên cứu là hai lớp sinh viên: ĐH13QM3 – lớp thực nghiệm và ĐH13QĐ5 – lớp đối chứng

+ Lớp ĐH13QM3 với 42 sinh viên - Áp dụng phương thức dạy học kết hợp với phương pháp lớp học đảo ngược: Sinh viên tự học thông qua các tài liệu trực tuyến được giáo viên cung cấp, tự làm bài kiểm tra trực tuyến để tự kiểm tra kiến thức của mình. Sau đó tham gia buổi thảo luận, mở rộng kiến thức và giải đáp thắc mắc trực tiếp tại lớp. Sinh viên làm bài kiểm tra lần thứ hai sau khi được trao đổi, giải đáp trực tiếp.

+ Lớp ĐH13QĐ5 với 45 sinh viên - Áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống. Sinh viên học trực tiếp trên lớp và làm bài kiểm tra một lần sau khi hoàn thành bài học.

Dữ liệu được thu thập thông qua các bài kiểm tra kiến thức của sinh viên, tập trung vào các câu hỏi trọng tâm về kiến thức của bài học. Sau đó dữ liệu được phân tích để so sánh kết quả học tập giữa hai nhóm lớp, từ đó đánh giá hiệu quả của phương thức dạy học kết hợp.

5.2 Kết quả thực nghiệm

Dựa trên kết quả bài kiểm tra lần 1 của sinh viên lớp ĐH13QM3 (tự học trực tuyến) so với lớp ĐH13QĐ5 (dạy học truyền thống): Ở Câu hỏi 1: "*Trường*

phái triết học nào đã đồng nhất ý thức với vật chất?" Lớp ĐH13QM3: 50% sinh viên chọn đáp án đúng "d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình". Lớp ĐH13QĐ5: 77.8% sinh viên trả lời đúng, chỉ có 22,2% sinh viên chọn sai đáp án. Kết quả đó cho thấy việc tự học trực tuyến chưa kết hợp với hỗ trợ học trực tiếp khiến sinh viên lớp ĐH13QM3 gặp khó khăn trong việc nắm bắt kiến thức phức tạp. Kết quả của họ thấp hơn so với lớp ĐH13QĐ5, nơi mà sinh viên được học trực tiếp với giảng viên. Với câu hỏi này, Kết quả lần 2 của lớp ĐH13QM3 sau khi trao đổi, thảo luận trực tiếp với giảng viên, 100% sinh viên trả lời đúng. Như vậy, sau khi được trao đổi, giải đáp, thảo luận trực tiếp, kết quả của lớp ĐH13QM3 vượt xa lớp ĐH13QĐ5. Điều này chỉ ra rằng kết hợp tự học trực tuyến với trao đổi trực tiếp là phương pháp hiệu quả hơn so với chỉ sử dụng một phương pháp dạy học truyền thống.

Đa số các câu hỏi ở mức độ trung bình, khó, dễ gây nhầm lẫn đòi hỏi sinh viên phải hiểu sâu các khái niệm trừu tượng như câu 4: "*Điền từ vào chỗ trống: "Bộ não người là(1)... phản ánh còn hiện thức khách quan là ...(2)... phản ánh?"*" Lớp ĐH13QM3: Lần 1: 44,4% sinh viên trả lời đúng "b. (1) - cơ quan, (2) – đối tượng" 55,6% sinh viên còn lại nhầm lẫn với các đáp án chưa đúng." Lần 2: 97,7% sinh viên trả lời đúng sau khi có buổi trao đổi và giải đáp với giảng viên, chỉ còn 2,3% vẫn còn nhầm lẫn. Lớp ĐH13QĐ5: 57,1% sinh viên trả lời đúng ngay từ lần đầu tiên, 42,9% chọn sai đáp án. Như vậy, kết quả của lớp ĐH13QM3 từ lần 1 cho thấy việc chỉ học trực tuyến khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc nắm bắt và áp dụng kiến thức trong các khái niệm triết học trừu tượng. Tuy nhiên, sau khi được thảo luận và giải đáp trực tiếp, tỷ lệ trả lời đúng đã cao hơn vượt trội so với lớp ĐH13QĐ5. Kết quả giữa lần 1, lần 2 ở lớp ĐH13QM3 so với kết quả nhận được ở lớp ĐH13QĐ5 tương tự như vậy ở các câu hỏi đòi hỏi tư duy phân biệt giữa các khái niệm trừu tượng số 5,7,8,9. Điều này chỉ ra rằng sự kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp (Blended Learning) giúp sinh viên hiểu rõ hơn và cải thiện khả năng tiếp thu những kiến thức trừu tượng, phức tạp.

Với những câu hỏi dễ ở mức độ nhớ theo thang đánh giá Bloom như câu hỏi 2: "*Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức ra đời từ những nguồn gốc nào?*" Lớp ĐH13QM3: 91,1% sinh viên chọn đúng đáp án ở lần kiểm tra thứ nhất và 100% ở lần kiểm tra thứ hai. Lớp ĐH13QD5: 92,9% sinh viên chọn đúng đáp án. Cả hai lớp đều đạt kết quả khá tốt ngay từ lần kiểm tra đầu tiên. Điều đó cho thấy đây là nội dung không quá khó hiểu đối với sinh viên. Tuy nhiên, lớp ĐH13QM3 đã duy trì được kết quả tốt ngay cả khi chỉ tự học trực tuyến, cho thấy một số nội dung đơn giản có thể học hiệu quả qua phương pháp trực tuyến. Điều này tương tự ở câu 6 và câu 10.

Từ kết quả bài kiểm tra gồm 10 câu cho nội dung bài học “Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức” trong học phần triết học Mác Lênin của sinh viên cho thấy. Khi chỉ áp dụng tự học trực tuyến mà không có trao đổi trực tiếp, sinh viên lớp ĐH13QM3 gặp khó khăn hơn trong việc trả lời đúng các câu hỏi phức tạp, khái niệm trừu tượng, dễ gây nhầm lẫn. Có tới 9/10 câu hỏi có kết quả lần 1 của lớp ĐH13QM3 thấp hơn so với lớp ĐH13QD5, nơi sinh viên được giảng dạy trực tiếp từ đầu. Tuy nhiên, kết quả lần 2 của lớp ĐH13QM3 (sau khi trao đổi trực tiếp với giảng viên) vượt xa lớp ĐH13QD5. Sinh viên lớp ĐH13QM3 đạt tỷ lệ trả lời đúng từ 85-100% ở hầu hết các câu hỏi, minh chứng cho sự cải thiện rõ rệt về kiến thức và tư duy sau khi được trao đổi và giải đáp thắc mắc. Trong khi đó, lớp ĐH13QD5 không có sự cải thiện tiếp theo sau lần kiểm tra, cho thấy việc giảng dạy truyền thống không tạo cơ hội cho sinh viên điều chỉnh và củng cố lại kiến thức.

Lớp giảng dạy	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
Lớp ĐH13QM3 – lần 1	50%	91,1%	81%	44,4%	55,6%	83,3%	69%	47,6%	64,3%	88,9%
Lớp ĐH13QM3 – lần 2	100%	100%	100%	97,7%	100%	85%	97,7%	93%	100%	100%

Lớp ĐH13QĐ 5	77,8 %	92,9 %	80%	57,1 %	69%	91,1 %	73,3 %	53,3 %	81,8 %	97,6 %
--------------------	-----------	-----------	-----	-----------	-----	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Bảng 5.1: Tỷ lệ câu trả lời đúng trong các bài kiểm tra

Trong quá trình dạy trực tiếp trên lớp ĐH13QM3, với nội dung thảo luận: “Hoạt động của ý thức và trí tuệ nhân tạo có giống nhau không”. Đây là một chủ đề khá hứng thú với sinh viên. Do được chuẩn bị trước về nội dung này nên sinh viên đưa ra rất nhiều ý kiến trao đổi quanh chủ đề. Các em đã tìm hiểu những thông tin về trí tuệ nhân tạo, trí tuệ nhân tạo hiện nay đã được ứng dụng như thế nào, đã phát triển đến đâu và cách thức hoạt động của nó ra sao để so sánh với hoạt động của ý thức và rút ra kết luận. Cơ bản sau khi thảo luận, lớp đã tự rút ra câu trả lời cho nội dung thảo luận.

Chúng tôi cũng nhận được khá nhiều những câu hỏi, băn khoăn thắc mắc của sinh viên như: hiện tượng nằm mơ hay mộng du của con người lúc ngủ có thuộc về ý thức không? Nếu thuộc về ý thức, tại sao con người không điều khiển, quyết định được giấc mơ? Thậm chí, sinh viên còn chủ động đặt ra câu hỏi: Động vật không phải con người có ý thức không?... Điều đó chứng tỏ sinh viên rất quan tâm và hứng thú với nội dung bài học.

Với tất cả những nội dung như trên, trong thời lượng một tiết học, giảng viên không thể truyền tải và phân tích một cách cụ thể và chi tiết. Nhưng với việc áp dụng phương thức tổ chức dạy học kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp trên lớp với phương pháp lớp học đảo ngược, cả sinh viên và giảng viên chúng tôi đã rất thành công khi tiếp cận nội dung này.

Như vậy, phương thức dạy học kết hợp đã chứng tỏ khả năng thúc đẩy sự tham gia và tư duy chủ động của sinh viên. Khi sinh viên tham gia vào cả tự học trực tuyến và trao đổi trực tiếp, họ có cơ hội hiểu sâu hơn về nội dung học và giải quyết các thắc mắc liên quan đến nội dung bài học. Khi học tự học trực tuyến, sinh viên có thể tự quản lý thời gian và tiến độ học tập của mình, giúp họ dễ dàng sắp xếp học tập phù hợp với lịch trình cá nhân. Họ có thể xem lại các bài giảng trực tuyến nhiều lần, đọc tài liệu thêm, và làm bài tập khi họ cảm thấy sẵn sàng và tập

trung nhất. Tự học trực tuyến yêu cầu sinh viên phải có tinh thần tự giác cao, chủ động trong việc tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu, từ đó nâng cao khả năng tự học và tư duy độc lập. Sinh viên sẽ phải tự tìm cách hiểu rõ các khái niệm trước khi tham gia vào các buổi trao đổi trực tiếp. Khi sinh viên tham gia vào các buổi thảo luận trực tiếp với giảng viên, họ có thể đặt câu hỏi và nhận được câu trả lời ngay từ bạn bè và giảng viên. Điều này giúp họ nhanh chóng loại bỏ những hiểu lầm hoặc khúc mắc mà họ gặp phải trong quá trình tự học trực tuyến. Thảo luận trực tiếp tạo ra một môi trường học tập tích cực và tương tác, nơi sinh viên có thể chia sẻ quan điểm, tranh luận và học hỏi từ bạn bè và giảng viên. Sự trao đổi này không chỉ giúp làm rõ những kiến thức chưa hiểu mà còn kích thích tư duy phản biện, cho phép sinh viên nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và tranh luận. Sự kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp giúp tối ưu hóa quá trình học tập. Sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn hiểu cách áp dụng chúng vào thực tế qua các tình huống và ví dụ được thảo luận trực tiếp, phát triển các kỹ năng mềm và tư duy cần thiết để thành công trong học tập và nghề nghiệp tương lai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến (Blended Learning) đã trở thành xu hướng tất yếu trong giáo dục hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh chuyên đổi số và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin. Việc xây dựng bài giảng e-learning phù hợp đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt của sinh viên. Các công cụ trực tuyến giúp sinh viên chủ động tham gia các hoạt động học tập, thảo luận, và nghiên cứu tài liệu, từ đó nâng cao khả năng tự học và phát triển tư duy độc lập, giúp tối ưu hóa quá trình dạy học, tạo điều kiện cho người học tự quản lý thời gian, địa điểm và tốc độ học tập.

Để phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến đạt hiệu quả cao thì việc xây dựng bài giảng E – learning phải được xác định phù hợp phương thức dạy học kết hợp và mức độ sử dụng phương thức dạy học kết hợp. Đồng thời, bài giảng E- learning phải được thực hiện đúng quy trình từ xác định mục tiêu, logic cấu trúc nội dung dạy học đến hệ thống phương tiện, công cụ sử dụng và xây dựng kịch bản.

Đề tài đã tiến hành nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng một bài giảng E – learning trong học phần Triết học Mác - Lênin và thực nghiệm giảng dạy bài giảng E-learning đó theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến (Blended Learning). Qua quá trình thực nghiệm tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, đề tài đã kiểm chứng được tính khả thi cũng như hiệu quả của phương pháp dạy học kết hợp này. Bài giảng e-learning không chỉ giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận nội dung học tập mọi lúc, mọi nơi, mà còn thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, đồng thời giúp giảng viên tối ưu hóa quy trình giảng dạy, tạo sự linh hoạt trong việc cung cấp kiến thức. Đồng thời, kết quả thực nghiệm cũng cho thấy, với học phần Triết học Mác – Lênin nếu chỉ học trực tuyến không kết hợp với học trực tiếp thì kết quả sinh viên đạt được không cao, đồng thời giảng viên cũng bị hạn chế về mặt thời gian cho các hoạt động trao đổi, giải đáp thắc mắc của sinh viên và hướng dẫn sinh viên mở rộng, liên hệ và vận dụng lý luận vào thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng phương pháp dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến mang lại hiệu quả cao trong việc giảng dạy các môn học có nội dung trừu tượng và khó tiếp cận như Triết học Mác - Lênin. Sự kết hợp giữa học tập trực tiếp và trực tuyến đã giúp nâng cao khả năng tiếp thu của sinh viên, tạo ra môi trường học tập tương tác và cá nhân hóa quá trình học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin cũng đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại chuyển đổi số.

Kiến nghị

Để việc xây dựng bài giảng E – learning học phần triết học Mác – Lênin đáp ứng phương thức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến, chúng tôi kiến nghị:

- Đối với trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội:

+ Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho giảng viên về kỹ năng thiết kế bài giảng E - learning, cũng như cách sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng bài giảng.

+ Nâng cao chất lượng đường truyền internet trong nội bộ trường và các phương tiện công cụ thiết kế bài giảng E – learning.

- Đối với giảng viên:

+ Tăng cường sử dụng phương pháp dạy học kết hợp trong giảng dạy, tập trung vào việc thiết kế các bài giảng trực tuyến có tính tương tác cao, giúp sinh viên hứng thú và chủ động hơn trong học tập.

+ Thường xuyên cập nhật, học hỏi và ứng dụng các công nghệ giảng dạy hiện đại, phát triển thêm các kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ để tối ưu hóa quy trình giảng dạy.

- Đối với sinh viên:

+ Tăng cường khả năng tự học, chủ động tiếp cận các tài liệu học tập trực tuyến và tham gia tích cực vào các hoạt động học tập tương tác trực tuyến.

+ Sử dụng hiệu quả các công cụ và tài liệu do giảng viên cung cấp để phát huy năng lực tự học, hướng tới phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cá nhân.

Việc triển khai phương thức dạy học kết hợp trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin không chỉ là giải pháp tối ưu hóa quá trình dạy học, mà còn là xu hướng

tất yếu trong giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trương Thị Phương Chi (2017), luận án: “ Xây dựng và sử dụng E – learning vào dạy học các kiến thức hạt nhân nguyên tử vật lý 12 trung học phổ thông theo mô hình lớp học đảo ngược”, trường Đại học Vinh
2. Tô Nguyên Cương, (2012), “*Dạy học kết hợp – một hình thức tổ chức dạy học tất yếu của một nền giáo dục hiện đại*”, tạp chí giáo dục, số 283, kỳ I (4/2012), tr27,28,38
3. Nguyễn Thu Hà (2015), *Blended learning – một mô hình tổ chức dạy học mới*, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư Phạm Hà Nội, Vol.60, No.6A, 215-221
4. Trần Huy Hoàng, Nghiên cứu sử dụng mô hình B-Learning vào dạy học Vật lý ở trường phổ thông, đề tài trọng điểm cấp Bộ, MĐT: B2014 -DHH116, 2014-2015
5. Nguyễn Văn Hiền (2008), “*Tổ chức “học tập hỗn hợp” biện pháp rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho sinh viên trong dạy học sinh học*”, Tạp chí giáo dục, số 192 – 2008, tr34,43,44
6. Nguyễn Hồng Lĩnh (2012), “*Một cách hiểu về dạy học kết hợp*”, T/c Giáo dục, số 284, kỳ 2, 4.2012
7. Nguyễn Lê Nguyệt Minh, Đinh Thùy Dương, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Lan Hương, Lê Hải Anh (2024), Vận dụng mô hình “dạy học kết hợp” (Blended – Learning trong dạy học tích hợp liên môn cho học sinh trung học cơ sở, T/c Giáo dục, số đặc biệt 4 (5/2024), 101-106
8. Nguyễn Danh Nam (2007), *Các mức độ ứng dụng e – learning ở trường đại học sư phạm*, Tạp chí giáo dục số 175, tr.41-43

9. Nguyễn Thị Bích Thảo (2008), Ứng dụng công nghệ thông tin thiết kế bài giảng điện tử, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn hóa học lớp 10 (nâng cao), Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

10. Nguyễn Anh Tuấn (2020), “Vận dụng mô hình B- Learning trong giảng dạy triết học Mác – Lênin ở trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn”, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 9 -2020, tr66-75

11. Huỳnh Thị Diễm Uyên (2020), Xây dựng bài giảng trực tuyến cho học phần hóa học thực phẩm”, mã số T2019-06-140, Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng

12. Nguyễn Thị Kiều Vân (2022), Thiết kế và tổ chức dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp, Nxb Thế giới

Tiếng Anh

13. Arabasz, P. And Baker, M.B (2003), “*Evolving campus support models for elearning course, center of applied research respondent summary*”, nguồn: <https://educause.edu/ir/library/pdf/ekf/ekf0303.pdf>

14. Australian National training Authority (2003), *Blended Learning: learning new skills in blending*, Sydney: Australian National training Authority

15. Banados, E. (2006), *A blended – learning pedagogical model for teaching and learning ESL successfully through an online interactive multimedia environment*, CALICO Journal23/3: 533-550

16. Barbour M, Brown R, Water L.H, Hoey R., Hunt J.L (2011), *Online and Blended Learning: A Survey of Policy and Practice of K-12 Schools around the world*, iNACOL

17. Blended learning (2012), *E – learning Resources*, nguồn: http://www.grayharriman.com/blended_learning.htm

18. Bonk, C., J. And Graham, C., R. (Eds) (2006), “*The Handbook of Blended learning; Global perspective*”, Local Designs, San Francisco. CA: Pfeiffer Publishing

19. Charles D.D, Joel H, Patsy M.D (2004), *Blended Learning*, ECAR Research Bulletin, Educause, , nguồn:
<http://net.educause.edu/ir/library/pdf/ERB0407.pdf>.
20. Downes S. (2008), *the Future of online learning: Ten years on*, In Downes, S. *Half an hour*, Sunday, November 16, 2008, Moncton: Stephen Downes
21. Heinze, A. and Procter (2003), *Reflection on the use of Blended learning*, Univesity of Salford, Salford
22. International Association for K-12 online learning (2008), *Blended learning: the convergence of online and face – to – face education*, nguồn:
[www.inacol.org/research /promisingpractices/NACOL _PP-Blendedlearning-lr.pdf](http://www.inacol.org/research/promisingpractices/NACOL_PP-Blendedlearning-lr.pdf)
23. https://en.wikipedia.org/wiki/Blended_learning
24. Margareth Driscot (2002), *Blended Learning: Let's get beyond the Hype*, IBM Globle Service
25. Ruth Colvin Clark và Richard E. Mayer (2011), *E-Learning and the Science of Instruction: Proven Guidelines for Consumers and Designers of Multimedia Learning*, Nxb John Wiley & Sons
26. Singh,H (2003), *Building effective blended learning programs*, Issue of educational Technology, 43(6), 51-54
27. Stacey, E.Mackey (2009), *Reseaching blended learning practices for teachers' profesional learning*, Taipei, Taiwan: Quality education symposium 2009: Education and Reseach, 12-13 Jun 2009
28. Victoria L. Tinio (2003), *ICT in Education*. UNDP-APDIP UNESCO (2002), *Information Communication tecnology in education. A curriculum for schools and programme of teacher development*

PHỤ LỤC

1. Phiếu khảo sát giảng viên

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

PHIẾU KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN

Kính gửi quý thầy, cô!

Nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) và Internet trong dạy học cũng như hiểu biết về phương thức B-Learning (Dạy học kết hợp) trong dạy học, từ đó xây dựng bài giảng E-learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp - trực tuyến và ứng dụng tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, xin quý thầy, cô vui lòng cung cấp một số thông tin qua việc trả lời những câu hỏi dưới đây bằng cách chọn ô phương án mà thầy, cô cho là phù hợp. Chúng tôi cam kết rằng, tất cả những thông tin mà quý thầy, cô cung cấp sẽ được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Cám ơn sự cộng tác của quý thầy, cô.

PHẦN A. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. *Thầy/Cô giảng dạy học phần nào?*
2. *Độ tuổi:* Dưới 25 tuổi Từ 26 - 34 tuổi Từ 35 - 44 tuổi Từ 45 - 54 tuổi Từ 55 tuổi trở lên
3. *Trình độ đào tạo:* Đại học Thạc sĩ Tiến sĩ
4. *Địa chỉ email:*

PHẦN B. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) VÀ INTERNET TRONG DẠY HỌC CỦA GIẢNG VIÊN

1. *Thầy, cô có thường xuyên truy cập mạng Internet không?*

- a. Không bao giờ b. thỉnh thoảng

- c. Thường xuyên d. Rất thường xuyên

2. Thầy, cô cho biết mức độ thành thạo khi sử dụng mạng internet để tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ quá trình dạy học?

- a. Sử dụng rất thành thạo
 b. Sử dụng thành thạo
 c. Sử dụng cơ bản
 d. Chưa biết sử dụng

3. Thầy/Cô có thường xuyên tìm kiếm thông tin, hình ảnh, video, ... trên mạng Internet phục vụ cho bài dạy của mình không?

- a. Không bao giờ b. Thỉnh thoảng
 c. Thường xuyên d. Tùy thuộc vào từng bài
 e. Bài nào cũng sử dụng

4. Khi tìm kiếm và sử dụng thông tin trên mạng Internet, thầy, cô thường gặp khó khăn nào nhất?

- a. Có ít thông tin phù hợp
 b. Tư liệu, thông tin có giá trị sử dụng thấp, thường phải gia công lại
 c. Thông tin, tư liệu có bản quyền, không thể xem hoặc download
 d. Ý kiến khác

.....
5. Trong dạy học, thầy, cô đã sử dụng CNTT trong những hoạt động nào dưới đây?

- a. Soạn giáo án Word
 b. Thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử trên một số phần mềm công cụ (Power point hoặc Violet...)
 c. Trình chiếu hình ảnh, video
 d. Tổ chức cho sinh viên tự học

e. Ứng dụng CNTT trong khâu kiểm tra - đánh giá

f. Một số hoạt động khác:

.....

.....

.....

6. Thầy/Cô cho biết trình độ của mình trong sử dụng một số loại công cụ phần mềm dưới đây:

	Kĩ năng	Sử dụng tốt	Sử dụng cơ bản	Không biết sử dụng
1.1	Phần mềm soạn thảo văn bản Word			
1.2	Phần mềm tính Excel			
1.3	Phần mềm trình chiếu (Power Poin, Canva...)			
1.4	Phần mềm soạn và giao bài tập (Violet, Flip...)			
1.5	Trang Web			
1.6	Trao đổi thông tin trên mạng internet (Zalo, email...)			
1.7	Sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng (Google, Chat GPT...)			
1.8	Thiết kế trang web			

7. Khi sử dụng CNTT trong dạy học, thầy cô thường gặp những khó khăn nào?

a. Chưa biết cách tìm kiếm nguồn tài liệu kĩ thuật số

b. Việt hóa tài liệu Multimedia khai thác từ Internet

c. Khó khăn khi sử dụng phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử

d. Khó khăn khi sử dụng các phần mềm trong quá trình giảng dạy

e. Những khó khăn khác:

.....

.....
.....
8. Thầy, cô sử dụng những phần mềm nào để thiết kế bài giảng điện tử?

- a. Power Point
 - b. Canva
 - c. Lecture maker
 - d. Violet
 - e. Adobe Presenter
 - f. Những phần mềm khác:
-
.....
.....

9. Thầy cô đã sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến nào dưới đây?

- a. Zoom
 - b. Microsoft Team
 - c. Google Classroom
 - d. Google Hangouts
 - e. Những phần mềm khác:
-
.....
.....

10. Theo thầy, cô việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học đem lại hiệu quả như thế nào?

- a. Rất hiệu quả
- b. Hiệu quả tùy bài và cách sử dụng
- c. Có hiệu quả thấp
- d. Không đem lại hiệu quả

PHẦN C. THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT VỀ PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC KẾT HỢP (DHKH) TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN

1. Thầy, cô đã biết đến những phương thức dạy học nào dưới đây (Có thể chọn nhiều phương án)?

- a. Dạy học giải quyết vấn đề
- b. Dạy học dự án
- c. Dạy học đảo ngược (Flipper learning)
- d. Dạy học theo chủ đề
- e. Dạy học kết hợp (Blended learning)

2. Theo Thầy/Cô dạy học kết hợp là phương thức dạy học như thế nào?

- a. Học tập kết hợp giữa học trực tuyến trên website/ phần mềm và học trực tiếp, được xây dựng trên cơ sở lý thuyết học tập đảo ngược với quan điểm “dạy học lấy người học làm trung tâm” và đáp ứng các yếu tố của học tập đảo ngược.
- b. Có sự kết hợp giữa hình thức dạy học trực tiếp và hình thức dạy học trực tuyến, trong đó hình thức dạy học là mặt bên ngoài phản ánh mối quan hệ có tính quy luật giữa Mục tiêu - Nội dung - Phương pháp dạy học.

3. Trong các quy trình dạy học dưới đây, theo thầy, cô quy trình nào là dạy học theo phương thức dạy học kết hợp (DHKH)?

- a. Trên lớp: giảng viên giảng bài, sinh viên ghi chép
Ở nhà: sinh viên làm bài tập, thảo luận nội dung giảng viên giao về nhà
- b. Ở nhà: sinh viên học trực tuyến
Trên lớp: Thảo luận những nội dung còn vướng mắc liên quan đến bài học
- c. Ở nhà: Giao cho mỗi nhóm tìm hiểu một phần kiến thức bài học
Trên lớp: Các nhóm sẽ trình bày kết quả tìm hiểu được
- d. Trên lớp: giảng viên cho sinh viên thời gian nghiên cứu giáo trình. Sau đó, mời lên bảng trình bày những gì tìm hiểu được
Ở nhà: sinh viên làm bài tập, thảo luận nội dung giảng viên giao về nhà
- e. Quy trình khác

4. Theo Thầy/Cô những nội dung nào dưới đây là đặc điểm của phương thức DHKH (có thể chọn nhiều phương án)?

- a. Linh hoạt về không gian và thời gian diễn ra các hoạt động dạy và học.
- b. Áp dụng PPDH tiên tiến hiện nay, phù hợp với nội dung dạy, tương thích với từng đối tượng học và khả năng học của người học.
- c. Tối ưu hóa việc sử dụng phương tiện.
- d. Hợp lý hóa các nội dung học.
- e. Hoạt động của người dạy có mối liên hệ chặt chẽ và thống nhất với các người dạy khác và nhà kỹ thuật trong việc thiết kế các nội dung, đưa ra các chỉ dẫn cho người tham gia vào khóa học.
- f. Hoạt động của người học là hoạt động tự học có hướng dẫn, với vai trò chủ đạo của mình, người học tích cực tham gia vào hoạt động học trên lớp trực tiếp và trên lớp học “ảo”.

5. Theo Thầy/Cô khi tổ chức dạy học theo phương thức DHKH thì điều kiện bắt buộc cần có những phương tiện tổ chức nào sau đây?

- a. Website dạy học
- b. Bài giảng tích hợp truyền thông đa phương tiện
- c. Phương tiện truyền thông kỹ thuật số
- d. Dạy học trực tiếp

6. Theo Thầy/Cô người học tự học trực tuyến theo quy trình nào dưới đây?

- 1. Tự nghiên cứu mục tiêu bài học
- 2. Tự xử lý thông tin học tập
- 3. Tự lập báo cáo kết quả học tập
- 4. Tự tìm kiếm thông tin học tập
- 5. Tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- a. 1 → 2 → 3 → 4 → 5
- b. 1 → 2 → 4 → 3 → 5
- c. 4 → 1 → 2 → 3 → 5
- d. 4 → 2 → 3 → 1 → 5

7. Thầy/Cô đã từng sử dụng phương thức DHKH vào trong quá trình giảng dạy chưa?

- a. Thường xuyên
- b. thỉnh thoảng
- c. Ít khi
- d. Chưa sử dụng

(Nếu chọn phương án (d) ở câu 7 thì Thầy/Cô vui lòng bỏ qua câu 8, 9 và trả lời tiếp câu 10)

8. Thầy/Cô gặp những khó khăn nào sau đây khi sử dụng phương thức DHKH trong DH? (Có thể chọn nhiều phương án và đánh số 1 cho phương án gây khó khăn nhất)

- a. Tốn nhiều thời gian
- b. Biết sử dụng ít phần mềm/công cụ thiết kế bài dạy
- c. Đối tượng người học không phù hợp
- d. Chưa thực sự hiểu rõ phương thức dạy học kết hợp
- e. Ý kiến khác:

9. Khi Thầy/Cô dạy học theo phương thức DHKH thì người học có hứng thú với phương thức này không?

- a. Không hứng thú
- b. Bình thường
- c. Hứng thú
- c. Rất hứng thú

10. Thầy/Cô có ủng hộ quan điểm sử dụng phương thức DHKH vào dạy học ở đại học không?

- a. Có
- b. Không

-----o0o-----

Xin cảm ơn Quý Thầy/Cô đã dành thời gian trả lời!

2. Phiếu khảo sát sinh viên

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN

Nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) và Internet trong dạy học cũng như hiểu biết về phương thức B-Learning (Dạy học kết hợp) trong dạy học, từ đó xây dựng bài giảng E-learning học phần Triết học Mác - Lênin theo phương thức dạy học kết hợp trực tiếp - trực tuyến và ứng dụng tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, bạn vui lòng cung cấp cho chúng tôi một số thông tin qua việc trả lời những câu hỏi dưới đây bằng cách chọn ô phương án mà bạn cho là phù hợp. Chúng tôi cam kết rằng, tất cả những thông tin mà bạn cung cấp sẽ được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Cám ơn sự cộng tác của anh (chị).

Bạn hãy vui lòng đánh dấu tích (✓) vào những lựa chọn và điền nội dung vào chỗ còn trống (nếu có) mà bạn cho là phù hợp trong các câu dưới đây.

PHẦN A. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Bạn học chuyên ngành gì?

2. Giới tính

2.1. Nam

2.2. Nữ

3. Sinh viên năm thứ:

4. Địa chỉ email:

PHẦN B. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT), INTERNET VÀ HIỂU BIẾT VỀ PHƯƠNG THỨC B -LEARNING (DAY HỌC KẾT HỢP) CỦA SINH VIÊN

1. Hoạt động mà bạn dành nhiều thời gian nhất khi truy cập mạng Internet là gì? (Bạn có thể chọn nhiều phương án)

- a. Vào các trang mạng xã hội b. Giải trí (Đọc báo, xem phim, chơi game...)
- c. Tìm kiếm thông tin học tập d. Tham gia các khóa học trực tuyến
- e. Hoạt động khác:

2. Bạn có thường xuyên lên mạng Internet để tìm kiếm thông tin cho bài học của mình không?

- a. Không bao giờ b. Chỉ khi cần thiết
- c. thỉnh thoảng d. Thường xuyên

3. Khi có thắc mắc về bài học, bạn thường chủ yếu tìm lời giải đáp ở đâu? (Bạn có thể chọn nhiều phương án)

- a. Hỏi thầy cô b. Hỏi bạn bè
- c. Tìm trên Internet d. Hỏi người thân trong gia đình
- e. Tìm trong sách giáo trình và sách tham khảo f. Không hỏi ai cả

4. Bạn có biết sử dụng các công cụ học trực tuyến phổ biến như Zoom, Microsoft Teams, hay Google Meet không?

- a. Rất thành thạo
- b. Biết sử dụng cơ bản
- c. Chỉ biết sử dụng một số tính năng đơn giản
- d. Chưa từng sử dụng

5. Bạn có biết cách tạo và chia sẻ tài liệu trực tuyến (Google Docs, Microsoft Word Online) với các bạn cùng học không?

- a. Rất thành thạo
- b. Biết sử dụng cơ bản

- c. Cần sự hướng dẫn từng bước
- d. Không biết cách sử dụng

6. Khi gặp vấn đề kỹ thuật trong học trực tuyến (mất kết nối, âm thanh không hoạt động, v.v.), bạn thường làm gì?

- a. Tự tìm cách khắc phục thông qua hướng dẫn online
- b. Hỏi bạn bè hoặc giảng viên để được hỗ trợ
- c. Chờ đến khi có người khác giúp đỡ
- d. Bỏ qua và chờ buổi học sau

7. Bạn có biết cách bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu học tập khi sử dụng internet không?

- a. Rất rõ ràng và luôn áp dụng các biện pháp bảo mật
- b. Biết một số biện pháp cơ bản (đổi mật khẩu thường xuyên, không chia sẻ thông tin cá nhân)
- c. Ít quan tâm đến vấn đề bảo mật
- d. Không biết cách bảo mật thông tin

8. Bạn hiểu "phương thức dạy học kết hợp" là gì?

- a. Kết hợp giữa học trực tiếp tại lớp và học trực tuyến qua các nền tảng online
- b. Chỉ học trực tiếp nhưng có sử dụng tài liệu online
- c. Tự học hoàn toàn trực tuyến với các buổi livestream của giảng viên, giảng viên chỉ hướng dẫn cách học
- d. Học theo lịch trình cố định, không phân biệt trực tiếp hay trực tuyến

9. Theo bạn, lợi ích lớn nhất của phương thức dạy học kết hợp là gì?

- a. Không thấy có lợi ích nào đáng kể
- b. Giảm chi phí và thời gian đi lại
- c. Nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua sự tương tác đa dạng
- d. Tăng cường tính linh hoạt trong việc học

e. Phương án khác:

10. Theo bạn yếu tố nào quan trọng nhất để thành công trong học tập theo phương thức dạy học kết hợp?

a. Kỹ năng sử dụng công nghệ và công cụ học trực tuyến

b. Khả năng tự học và quản lý thời gian

c. Sự hỗ trợ kịp thời từ giảng viên và nhà trường

d. Không cần yếu tố nào đặc biệt, chỉ cần tham gia đều đặn

e. Phương án khác:

11. Vai trò quan trọng nhất của giảng viên trong phương thức dạy học kết hợp là gì?

a. Không có vai trò khác biệt so với phương thức dạy học truyền thống

b. Chỉ cần cung cấp tài liệu học và bài giảng online

c. Tập trung vào các buổi học trực tiếp và ít quan tâm đến trực tuyến

d. Hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trực tiếp và trực tuyến

12. Bạn đánh giá thế nào về sự linh hoạt của phương thức dạy học kết hợp?

a. Rất linh hoạt

b. Khá linh hoạt

c. Ít linh hoạt

d. Không linh hoạt

13. Bạn đã bao giờ tham gia một khóa học sử dụng phương thức kết hợp này chưa?

a. Có, thường xuyên

b. Có, một vài lần

c. Có, nhưng chỉ một lần

d. Chưa bao giờ

14. Bạn thấy phương thức giảng dạy kết hợp có phù hợp với cách học của mình không?

- a. Rất phù hợp
- b. Khá phù hợp
- c. Không phù hợp lắm
- d. Hoàn toàn không phù hợp

15. Bạn có muốn được học bằng phương thức giảng dạy kết hợp không?

- a. Có
- b. Không

-----o0o-----

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của bạn!